



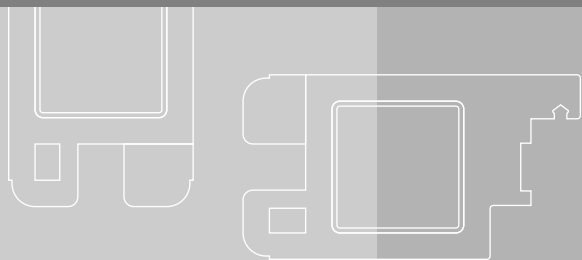
TP doors®

CỬA NHỰA GỖ LỖI THÉP ĐÚC SẴN



Art and Safe!

EUROPEAN TECHNOLOGY



CATALOGUE 2025

TRIEU PHUONG CO., LTD.

Showroom: 917C Au Co street., Tan Son Nhi ward,
Tan Phu dist., Ho Chi Minh city, Vietnam

Website: tpdoors.com - Email: tpdoors.tpp@gmail.com

Factory: Trieu Phuong Co., Ltd.



Add.: Hoang Gia Industrial Zone, My Hanh Nam Commune, Duc Hoa, Long An, Vietnam

- Established: (year): 2010 - Total area: 5.000m² – Staff & workers: 30 to 50 persons
- Delivery time: 07 - 15 days according to the quantity of order
- Production capacity/year : 1.500 tons up
- Nearest airport: Tan Son Nhat Air port to Factory: 25km - about: 1h10 hours
- Port of Loading: Factory to Ho Chi Minh Ports: 46km - about: 1h45 hours
- State test compliance: Intertek , Quartek 3, or other according to Customer's requests
- Factory BSCI -Auditted by: Intertek, Rusta Sweden

SẢN PHẨM CỬA NHỰA GỖ LỖI THÉP ĐÚC SẴN thương hiệu TPDoors®

là một dòng **Vật Liệu Kiến Trúc Xanh** thế hệ mới lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam và trên thế giới. sự kết tinh giữa yếu tố mỹ thuật và công nghệ cao cho phép thay thế và khắc phục các hạn chế của gỗ tự nhiên và các loại vật liệu khác như: nhựa PVC, gỗ ghép, thép, nhôm, inox,.. góp phần bảo vệ môi trường.

☑ Sản phẩm đã được bảo hộ độc quyền thương hiệu, các bằng sáng chế do Cục Sở Hữu Trí Tuệ thuộc Bộ khoa học công nghệ chứng nhận.

☑ không ngừng nghiên cứu, áp dụng công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, đổi mới từng ngày để cho ra mắt những sản phẩm chất lượng có độ bền cao, mẫu mã đẹp và màu sắc đa dạng thích hợp với đại đa số thị hiếu khách hàng với giá thành ổn định, hợp lý nhất.

☑ cam kết bảo hành đổi trả sản phẩm và giá trị gia tăng tối đa nhằm mang lại sự hài lòng đến tất cả những đại lý, nhà phân phối, nhà thầu, chủ đầu tư trong và ngoài nước.

TPDoors® sản phẩm Cửa Nhựa gỗ lõi thép đúc sẵn: Cửa đi hệ Mở Xoay, Cửa sổ, Khung bao vách kính, Khung vách ngăn và các profiles liên quan được thiết kế theo mẫu mã “riêng” được sản xuất qua khuôn định hình, theo công nghệ độc quyền.

TPDoors® thích hợp cho nhiều công trình lớn nhỏ khác nhau như: nhà ở dân dụng, căn hộ chung cư, khách sạn, trung tâm thương mại, villa, resort, biệt thự sân vườn...

Cấu tạo của sản phẩm:

1. Khuôn bao – Khung cánh cửa – Khung kính:

☑ Lớp bọc phủ bên ngoài: Nhựa Gỗ Ngoài Trời (Wood Plastic Composite - WPC): Hạt nhựa HDPE 35% + Bột gỗ 55% + Phụ gia NK 10% (chất trợ gia công, chống lão hóa, kháng UV, màu vô cơ...).

☑ Lõi tăng cứng (cốt) bên trong: Thép hộp mạ kẽm phù hợp với TCVN và tiêu chuẩn của các Nhà SX tại VN, chiều dày: 1.40mm (dung sai +/-0.2mm).

Sản phẩm chịu lực tốt và tải trọng cao: sự kết hợp giữa thép hộp và WPC giúp tăng độ bền cho thép và tăng tính thẩm mỹ đẹp như gỗ tự nhiên, hạn chế rỉ sét, không nứt nẻ giãn nở, không cong vênh co ngót, không mối mọt, chống cháy lan, có khả năng kháng tĩnh điện, kháng nước, kháng muối biển, kháng tia UV, chống lão hóa,... thích hợp vùng biển, khu vực tiếp xúc trực tiếp ánh nắng trực tiếp, mưa gió ngoài trời.

2. Phụ kiện được thiết kế đồng bộ - thi công lắp đặt dễ dàng:

☑ Bản lề mở xoay Inox 304: được thiết kế 3D đồng bộ, thẩm mỹ, chịu lực tốt, cân bằng tuyệt đối giúp đóng mở nhẹ nhàng êm ái, kín khít giúp tiết kiệm điện năng.

☑ Bộ khóa cửa Inox – chốt cửa – tay nắm: là các loại thông dụng có sẵn trên thị trường, được thiết kế đẹp, bền, an toàn,... có thể tùy chọn mẫu mã phù hợp với công năng và sở thích của người sử dụng.

☑ Ke khớp nối góc 45°: U.36x100 được thiết kế riêng có gân tăng cứng bằng thép mạ kẽm dày 2mm, được bao phủ kín vệ bởi lớp nhựa gỗ & keo cho độ bền vĩnh cửu.

☑ Goăng hơi cao su kép: êm ái, kín khít, bền bỉ, chịu được nhiệt độ cao. Khi nhiệt độ lên đến 300°C gioăng và lớp nhựa gỗ sẽ chuyển trạng thái thành dạng keo trám bít khe hở toàn bộ cánh cửa với khuôn bao làm ngăn chặn sự lan tỏa của khói giúp bảo vệ người sống bên trong và kéo dài thời gian thoát hiểm.

☑ Kính cường lực, kính ghép và các lựa chọn khác: sự kết hợp hoàn mỹ với kính cường lực, kính ghép theo màu sắc, hoa văn theo gu thẩm mỹ của khách hàng sẽ giúp tạo tầm nhìn kết nối không gian lớn và cảm giác hòa mình với thiên nhiên.

TPDoors® thiết kế theo phong cách tối giản với các đường thẳng mang lại cấu trúc, phong cách đặc biệt thanh lịch. Quy cách, kích thước các profiles và sản phẩm Cửa – Vách có thể sản xuất theo yêu cầu riêng cho từng dự án.

TPDoors® không cần sử dụng nhiều phụ kiện phức tạp, dùng các dụng cụ thi công truyền thống thông thường, lắp đặt dễ dàng nhanh chóng và chi phí bảo dưỡng thấp.

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG

SẢN PHẨM CỬA NHỰA GỖ LỖI THÉP **TPDoors®** THEO TIÊU CHUẨN CỦA CÔNG TY TNHH TRIỆU PHƯƠNG

- Căn cứ vào thành phần hỗn hợp vật liệu Gỗ nhựa ngoài trời sản xuất theo tiêu chuẩn của TPWood® đã được kết hợp tinh tế với Lõi (cốt) Thép hộp mạ kẽm (Galvanized Hollow Steel Pipe) sản xuất trong nước phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và quy trình kỹ thuật sản xuất sáng tạo đặc biệt tạo hiệu ứng chất lượng cộng hưởng cho sản phẩm để quy định tính chất vật lý cần bản theo yêu cầu, tính an toàn vật liệu, các phương thức thử nghiệm trong môi trường thực tế tại Nhà máy - tại phòng thí nghiệm cũng như những giá trị tiêu chuẩn theo từng chủng loại sản phẩm. Công bố này được xây dựng cho mục đích làm bảng Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật chung (TCKT) cho Nhà máy Triệu Phương, chi tiết như sau:

- Tên sản phẩm tiếng Việt: CỬA NHỰA GỖ LỖI THÉP MẠ KẼM ĐÚC SẴN - thương hiệu: **TPDoors®**
- Nhà sản xuất (xuất xứ): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRIỆU PHƯƠNG**
- Địa chỉ : Cụm công nghiệp Hoàng Gia, ấp Mới 2, Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VÀ TÍNH ĐỘC ĐÁO CỦA SẢN PHẨM: bằng PHƯƠNG PHÁP PHỐI TRỘN HỖN HỢP GỖ & NHỰA và CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT ĐỘC QUYỀN CỦA NHÀ MÁY TRIỆU PHƯƠNG: cho phép kiểm soát hệ số dẫn nở - co rút về mặt vật lý đạt đến mức độ tương đồng tối ưu đã tạo nên sự liên kết hoàn hảo giữa hai loại vật liệu hình thành một khối thống nhất.

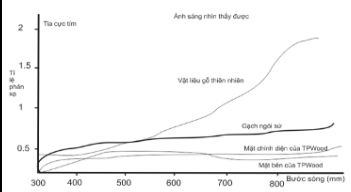
THÀNH PHẦN NGUYÊN LIỆU CHÍNH CỦA SẢN PHẨM: (xuất xứ NVL: Việt Nam, Saudi Arabia, EU,...):

- Nhựa gỗ ngoài trời (WPC): Hạt nhựa HDPE 35% + Bột gỗ 55% + Phụ gia NK 10% (chống lão hóa, kháng UV, màu vô cơ...)
- Lõi Thép Hộp Mạ Kẽm dạng Vuông - chữ Nhật : phù hợp với TCVN và tiêu chuẩn của các Nhà SX tại VN (dung sai chiều dày: +/-0.2mm)

1. TÍNH VẬT LÝ CƠ BẢN (Physics & test method): tổng hợp từ nhiều kết quả test, giá trị tham khảo						
Số TT	Các chỉ tiêu (Specification)		Phương pháp thử (Test method)	Kết quả thử nghiệm (Test result)	Giá trị tiêu chuẩn (Standard)	Ghi chú (Note)
1	Tỷ trọng của Thép (Density)	Khối lượng riêng	TCVN 11228-2:2015, ISO 12633-2:2011	# 7.85 (+/-3%)	7.75 – 8.05 kgs/cm3	Đạt yêu cầu
2	Chiều dày của lớp phủ mạ kẽm (Zin coating thickness)	Độ dày phụ thuộc vào chất lượng nguyên liệu thép mạ kẽm của NSX	TCVN 5026:2010, TCVN 5878:2007, ISO 2078:1982	9.0 Micron	5.0 - 25.0 Micron	Zin9 - Zin12: cho tuổi thọ trên 50 năm trong môi trường ẩm ướt bình thường và 20-25 năm trong môi trường khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt như nắng gắt, ẩm ướt, không khí có khí thải ở Khu công nghiệp, có hơi sương muối mặn vùng biển. Độ bền Tpdors tăng hơn nhiều lần nếu được xử lý bit đầu, trám trét mỗi hàn vết hở bằng keo nhằm tránh rỉ sét từ bên trong và các tác động trong quá trình thi công.
3	Tỷ trọng của Nhựa gỗ WPC (Density)	Khối lượng riêng thực tế	ASTM D797-00, JIS K7112	# 1.40 kg/cm³ (+/-3%)	0.8 ~ 1.5 kg/cm3	Đạt yêu cầu
4	Độ hút ẩm (Moisture content)	Tỉ lệ hấp thụ nước trên lớp Gỗ nhựa	BS EN 322: 1993	0.12% - 0,6%	≤ 10%	Mức độ hấp thụ nước là rất nhỏ, tuyệt đối thấm thấu, không gây ảnh hưởng đến bề mặt lõi cốt liệu thép mạ kẽm.
5	Độ trương nở chiều dày, độ bóc tách vật liệu sau khi phơi nắng, ngâm nước ở nhiệt độ 60°C trong 12 tháng (Thickness swelling & Peel-off test under high temperature, humidity & hot water)	Kiểm tra tỉ lệ biến đổi chiều dày, độ co rút giữa 02 loại vật liệu	ISO 24336: 2005, TCVN 11352: 2016, TCVN11353: 2016	N/A	≤ 0.5%	Mức độ biến đổi kích thước do hấp thụ nước là rất nhỏ, lớp Nhựa gỗ hầu như không hoặc hiếm khi xảy ra hiện tượng tách lớp, bong tróc, biến dạng hoặc nứt trên nền cốt Lõi Thép mạ kẽm. Sản phẩm có khả năng chống phân hủy trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt vùng nhiệt đới và khu vực ven biển.
6	Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm, nhiệt độ (Dimensional variations)	Tỉ lệ biến đổi chiều dọc (Longitudinal direction)	BS EN 13329: 2016 Annex C, TCVN 11352: 2016, TCVN 197-1:2014	N/A	≤ 0.3%	Không phát hiện độ biến đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm và nhiệt độ. Gỗ nhựa khi liên kết với lõi thép thì sự biến đổi kích thước này phụ thuộc theo TCKT của thép và một phần lớp vỏ nhựa gỗ. Sự kết dính của lớp Nhựa gỗ trên Lõi thép là hoàn hảo. Phù hợp trong môi trường ẩm ướt, sương muối, đặc biệt thích hợp với khí hậu vùng biển nhiệt đới.
		Tỉ lệ biến đổi chiều ngang (Transverse direction)		N/A	≤ 0.4%	
7	Chống cháy do thuốc lá (Resistance to cigarette burns)	Cấp / rating 3 :Xuất hiện vết xém vừa (Moderate change brown stain)	BS EN 438-2: 2005	(a)	Cấp / rating: 3 or 4(1) - Theo tiêu chuẩn của gỗ nhựa WPC	Tiếp tục thử nghiệm phản ứng cháy tại Nhà máy bằng phương pháp dùng thấu kính đặt cách sản phẩm 30mm dưới trời nắng gắt, bức xạ cao trong thời gian 30 phút, xuất hiện vết xém nhẹ. Thử nghiệm bằng quạt gaz, sản phẩm khó bắt lửa, tắt ngay khi thoát khỏi vùng lửa ngọn từ quạt ga.
8	Chống bám bẩn (Resistance to staning)	Kem đánh răng (Toothpaste)	BS EN 438-2: 2005	(b)	Cấp / rating: 3 or 4(1) - Theo tiêu chuẩn của gỗ nhựa WPC	Có thể thay đổi nhẹ màu sắc ở một số góc nhìn nhất định. TPdoors cho phép xử lý làm sạch vết bẩn bằng nước hoặc một ít xà phòng mà không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho bề mặt sản phẩm. Trường hợp bám bẩn nặng do dung môi sơn, tạp chất khác hoặc trầy xước nhẹ thì có thể sử dụng giấy nhám xử lý vết bẩn mà không làm thay đổi màu sắc bề mặt sản phẩm.
		Cà phê (coffee)		(b)		
		Sodium hydroxide 25%		(b)		

9	Độ bền màu, Chống lão hóa do tiếp xúc với ánh nắng mặt trời - tia UV trong điều kiện độ ẩm và nhiệt độ thay đổi (Aging due to sunray, UV light humidity and temperature variations exposure)	Kiểm tra tỉ lệ biến đổi màu sắc trên các mẫu có màu sắc khác nhau, kiểm tra hiện tượng tách nứt, mục rã phân hủy làm hư hỏng lớp Gỗ nhựa do thời tiết.	Phơi nắng trực tiếp trong môi trường mưa nắng thực tế và tạo ẩm xen kẽ trong thời gian 12 tháng và trong phòng thí nghiệm.	ΔE biến thiên từ 0,9 - 1,5 trong 100 giờ đầu, sau đó giảm nhẹ theo thời gian	Cấp / rating: 3 or 4(1) - Theo tiêu chuẩn của gỗ nhựa WPC	Dung sai màu sắc trong quá trình sản xuất khi xuất xưởng cho phép ΔE ≤2 (màu tối ổn định hơn màu sáng).Tùy thuộc vào màu sắc thử nghiệm và thời gian kiểm tra thực tế không ghi nhận sự thay đổi màu sắc và độ bóng, không xảy ra hiện tượng tách, nứt, không hư hỏng, phân hủy lớp Nhựa gỗ, sự liên kết giữa Nhựa gỗ và bề mặt thép hộp là hoàn hảo. Sản phẩm có thể sử dụng ngoài trời trong những nơi có khí hậu khắc nghiệt nhất (đặc biệt là vùng biển nhiệt đới).
10	Khả năng chống lõm (Indentation resistance)	Tùy thuộc vào quy cách chiều dày của lớp Gỗ nhựa, kích thước và độ dày của Thép hộp	ISO 24343-1: 2007	N/A	Reach	Nhựa gỗ sau khi liên kết với lõi Thép mạ kẽm có thể chịu được lực tác động mà không gây ra bất cứ tổn hại nghiêm trọng nào cho cửa TPdoors. Vết nứt mẻ tại vị trí do cố tình tác động với xung lực mạnh có thể phục hồi nguyên trạng bằng giải pháp trám trét keo nhiệt giúp tái tạo lại nét thẩm mỹ.
11	Lực uốn cong , uốn gãy, giới hạn bền kéo của Thép hộp (Bend - Breaking load)	Tùy thuộc vào chiều dày, dạng kết cấu của Thép hộp (thép dẻo) và quy cách sản phẩm	TCVN 197:2014 TCVN 312:2007 TCVN 1765-75	403MPa, Modul đàn hồi biến dạng cực hạn es = 0.15 - 0.25	Giới hạn bền kéo: σb= 380-490 N/mm2,	Các chỉ tiêu này dựa theo tiêu chuẩn của thép hộp. Thép hộp có kết cấu dạng hình vuông, chữ nhật giúp tạo hiệu ứng dự ứng lực làm tăng khả năng hấp thụ lực. Việc liên kết lớp Nhựa gỗ tăng cường cho phép uốn cong trong giới hạn nhưng có thể gây tổn hại đến lớp vỏ gỗ nhựa bao phủ bên ngoài.
12	Cường độ kéo đứt tiêu chuẩn của mối liên kết: phụ thuộc vào giới hạn chảy, sức bền kéo của mác thép, tiêu chuẩn của loại que hàn hoặc Bu lông (Welding point - bulouns tensile strength)	Dạng liên kết: sử dụng que hàn điện để Hàn nối dài, hàn góc cạnh Dạng liên kết: vít bắn thép, bulouns	TCVN 5709:1993 TCVN 3223:1994 Cấp độ bền TCVN 1916: 1995	f _w = 0,85 f _{fw} , f _{wf} = 0,55 f _{wun} /gM	Hệ số độ tin cậy về cường độ của mối hàn >4,6	Hệ số độ tin cậy về cường độ của mối hàn gM lấy bằng 1,25 khi f _{wun} ≤ 490 Mpa và bằng 1,35 khi f _{wun} ≥ 590 Mpa. Sau khi kết hợp với lõi thép thì sự biến đổi kích thước này phụ thuộc theo TCKT của thép. Sự kết dính của lớp Nhựa gỗ trên Lõi thép là hoàn hảo. Phù hợp trong môi trường ẩm ướt, sương muối, đặc biệt thích hợp với khí hậu vùng biển nhiệt đới. Lưu ý: khó xử lý trám trét tái tạo bề mặt gỗ nhựa tại vị trí hàn nối.

2. TÍNH AN TOÀN VẬT LIỆU (Safety requirements & test methods)

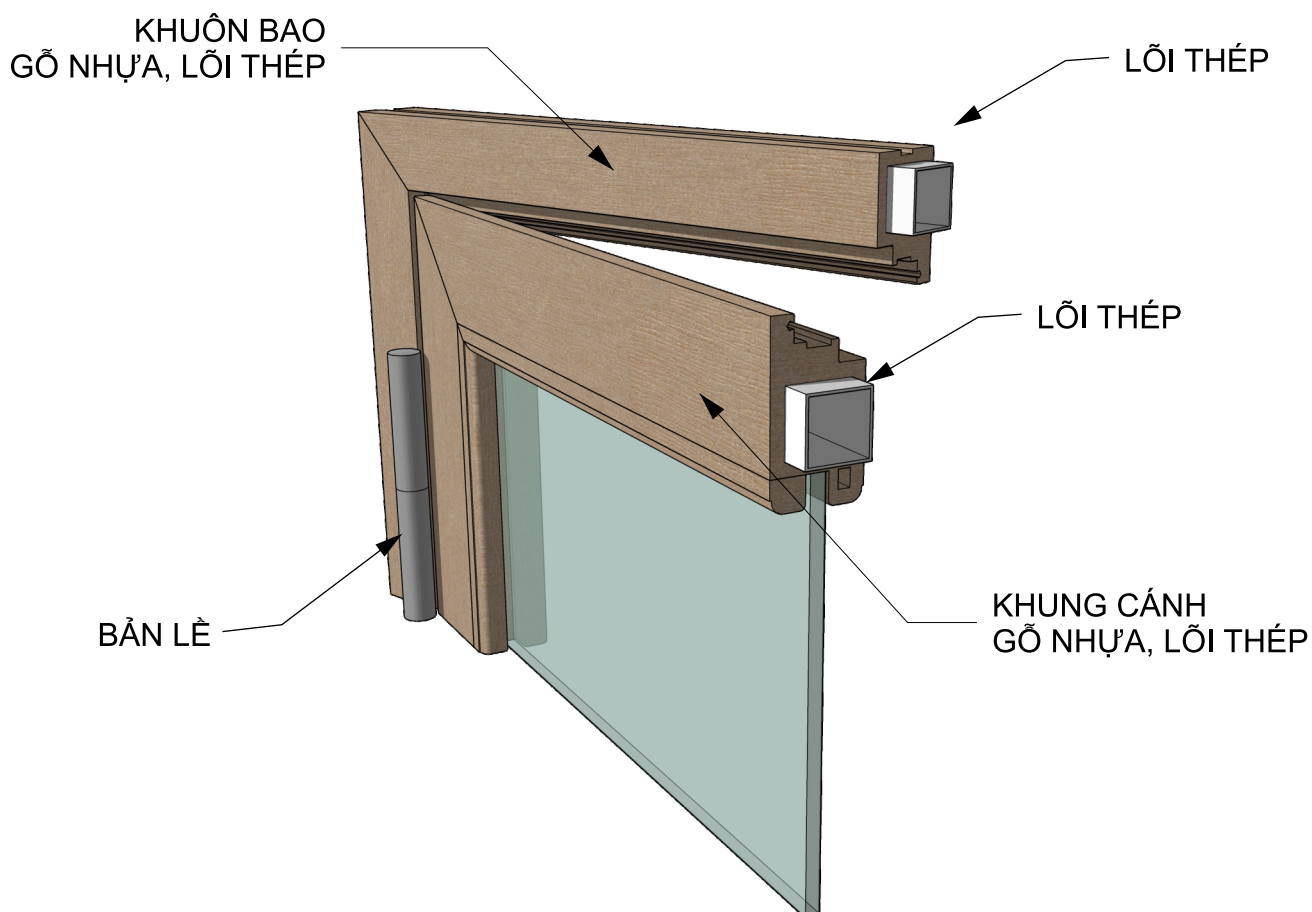
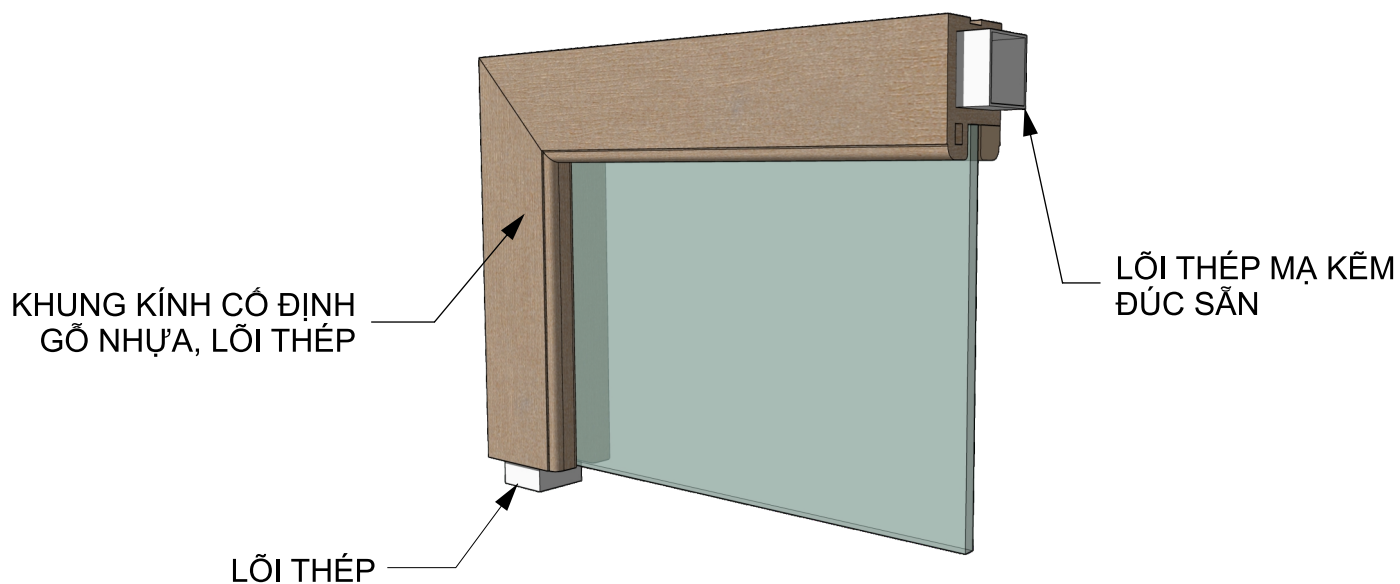
	Các chỉ tiêu / Characteristics		Phương pháp thử (Test method)	Kết quả thử nghiệm (Test result)	Giá trị tiêu chuẩn (Standard)	Ghi Chú
1	Hàm lượng Formaldehyde (Formaldehyde content)	mg/100g	BS EN 120: 1992	Không phát hiện (not detected)	LOD: 0.5 mg/100g	Hỗn hợp Gỗ nhựa ngoài trời (QUATEST 3)
2	Hàm lượng (PAHs) Poly cyclic aromatic hydrocarbons content	18 PAHs compounds ppm = parts per million = mg/kg	ZEK 01.4-08	Không phát hiện (not detected)	Detection limit = 0.2 ppm (for each item)	An toàn vật liệu khi tiếp xúc với da (INTERTEK)
3	Hàm lượng Phthalates (Phthalates content)	15 characteristics	EN 14372: 2004	Không phát hiện (not detected)	Detection limit = 0.01% (each item)	An toàn vật liệu quy định các nguy cơ tiềm ẩn phát sinh cho trẻ em từ 03 tuổi trở xuống (INTERTEK)
4	Hàm lượng Chì (Total Lead (Pb) content)	Xác định bằng phương pháp vi sóng, tổng hàm lượng chì được xác định bằng quang phổ kế - quang phổ plasma cảm ứng	By microwave, total lead content were determined by inductively coupled plasma opticalemissio n spectrometer	<20 ppm	Giá trị giới hạn đo lường Limit in ppm: 100 ppm	Xác định hàm lượng chì trong giới hạn an toàn (INTERTEK)
5	Hàm lượng tổng các loại kim loại hòa tan - Total Cadmium (Cd) content were determined by Inductively Coupled Plasma-Optical Emission Spectrometer (ICP-OES)	Xác định hàm lượng Cadmium bằng phương pháp lắng uớt ppm = parts per million = mg/kg	EN 1122: 2001 TCVN 11320: 2016	<5 ppm	Giá trị giới hạn đo lường Limit in ppm: 50 ppm	Xác định hàm lượng Cadmium trong giới hạn an toàn (INTERTEK)
6	Hàm lượng Pentaclophenol, các muối và các este của nó PCP/TrCP/TeCP	Bằng phương pháp KOH / theo ISO 17070 và bước tiếp theo là bằng phương pháp sắc ký khí khối phổ	By KOH extraction / ISO 17070 and followed by gas chromatography mass spectrometric (GC-MS)	Không phát hiện (not detected)	Giá trị giới hạn đo lường Detection limit = 0.05 ppm Limit in ppm: 50 ppm	Xác định hàm lượng các chất trong giới hạn an toàn (INTERTEK)
7	Hệ số phản xạ - Tính hấp thu ánh sáng (Reflection factor)	Kiểm tra phản xạ thông qua thiết bị theo tiêu chuẩn JIS K-5602 và mức độ hấp thu bức xạ mặt trời.				Tỉ lệ phản xạ ánh sáng của Cửa nhựa gỗ lõi thép TP là nhỏ nhất (lượng phản xạ lại ánh sáng ít nhất), phản xạ lại tia cực tím có hại (bước sóng 300 ~ 400nm) nhỏ khoảng 1/2 lần gạch ngói và nhỏ hơn 1/4 lần so với Inox, Thép mạ kẽm. Tránh được cảm giác chói mắt so với các vật liệu khác như: Inox, thép mạ kẽm, bề mặt sơn kim loại,... ngăn ngừa mọi nguy cơ cho mắt tại các khu vực lân cận.

Lưu ý: Một số chỉ tiêu cần được tiếp tục kiểm tra và đánh giá lại bởi cơ quan chuyên môn.

“ART & SAFE” FROM **TPDoors®**

TP.002P

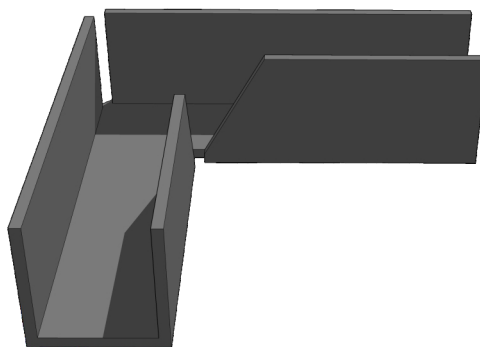
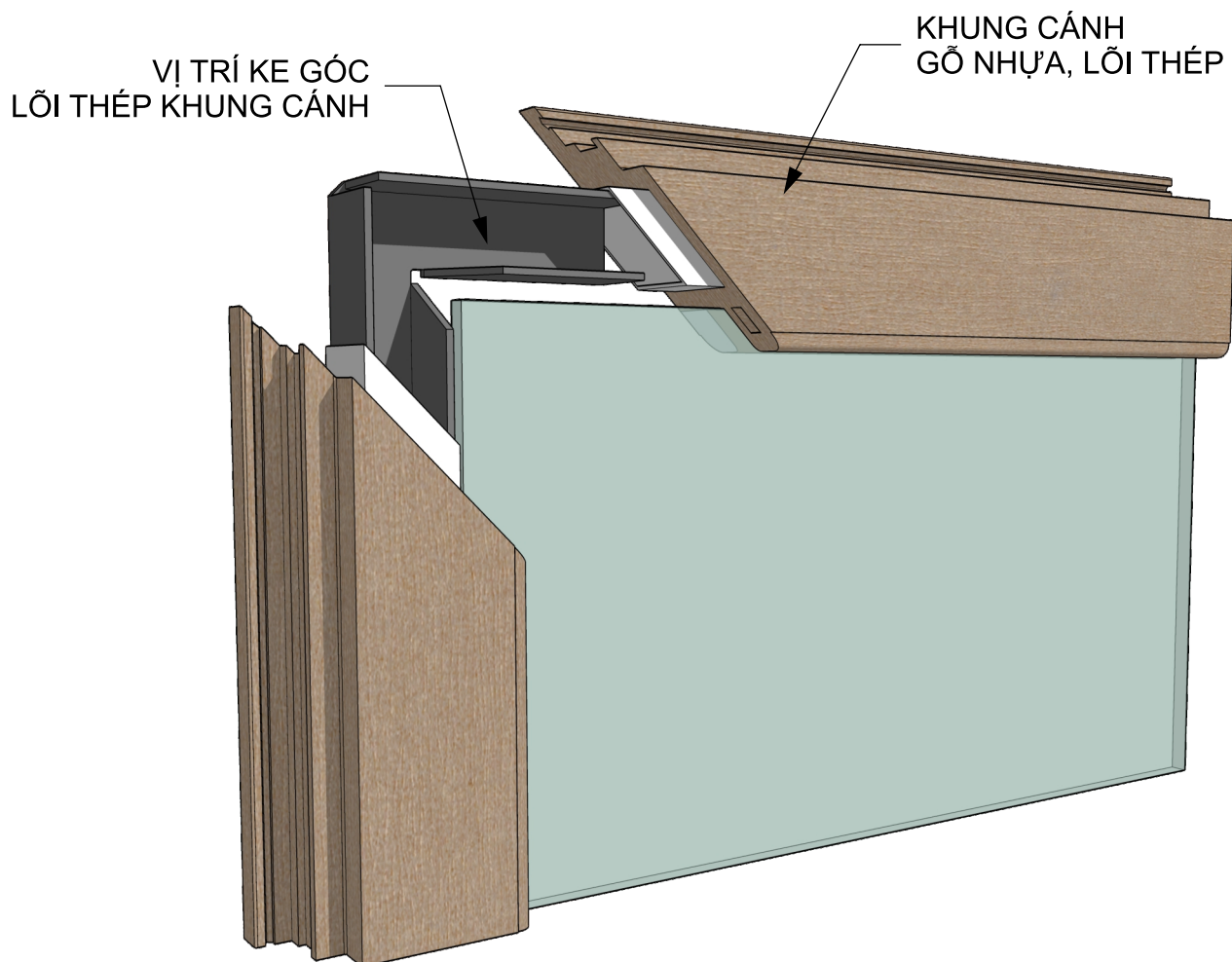
CHI TIẾT KHUNG CÁCH - KHUÔN BAO



TP.001

HỆ MỞ XOAY MỘT CÁNH & VÁCH CỐ ĐỊNH

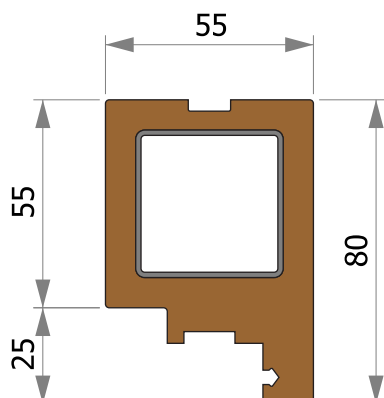
CHI TIẾT KE GÓC



KE GÓC LỖI THÉP U36, CẠNH DÀI 100

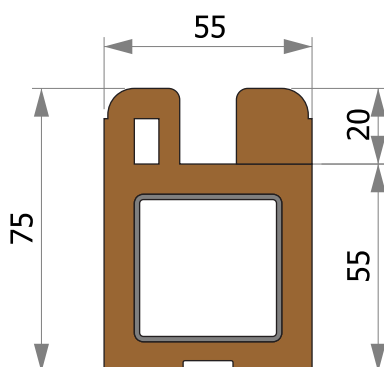
TP.001P

CHI TIẾT KÍCH THƯỚC PROFILES



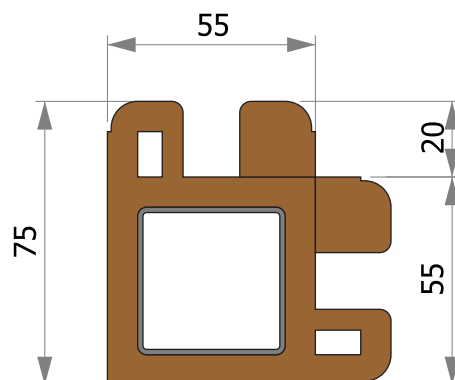
KHUÔN BAO

Code: TPD_KB
Size: 80x55mm
Weight: 5.33kg/m ($\pm 3\%$)



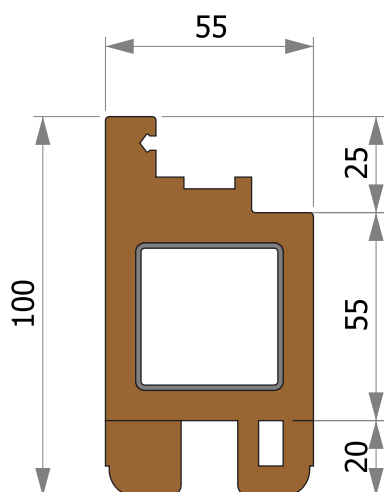
**KHUNG KÍNH CHẾT
KHUNG CẢNH HẠ**

Code: TPD_CH
Size: 75x55mm
Weight: 4.89kg/m ($\pm 3\%$)



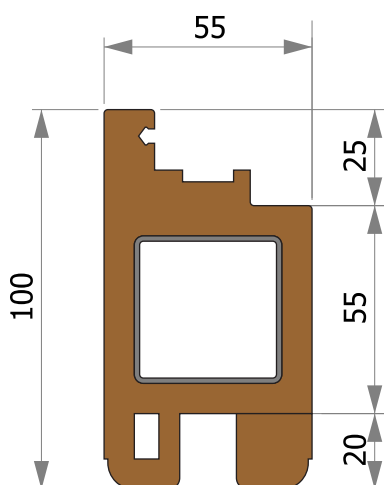
KHUNG KÍNH CHẾT GÓC

Code: TPD_V
Size: 75x75mm
Weight: 5.75kg/m ($\pm 3\%$)



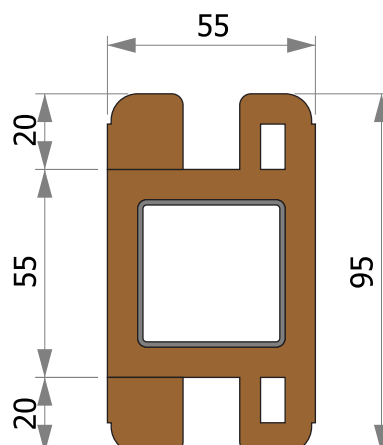
KHUNG CẢNH 1A

Code: TPD_CD.L
Size: 100x55mm
Weight: 5.45kg/m ($\pm 3\%$)



KHUNG CẢNH 1B

Code: TPD_CD.R
Size: 100x55mm
Weight: 5.45kg/m ($\pm 3\%$)



KHUNG KÍNH CHẾT 2

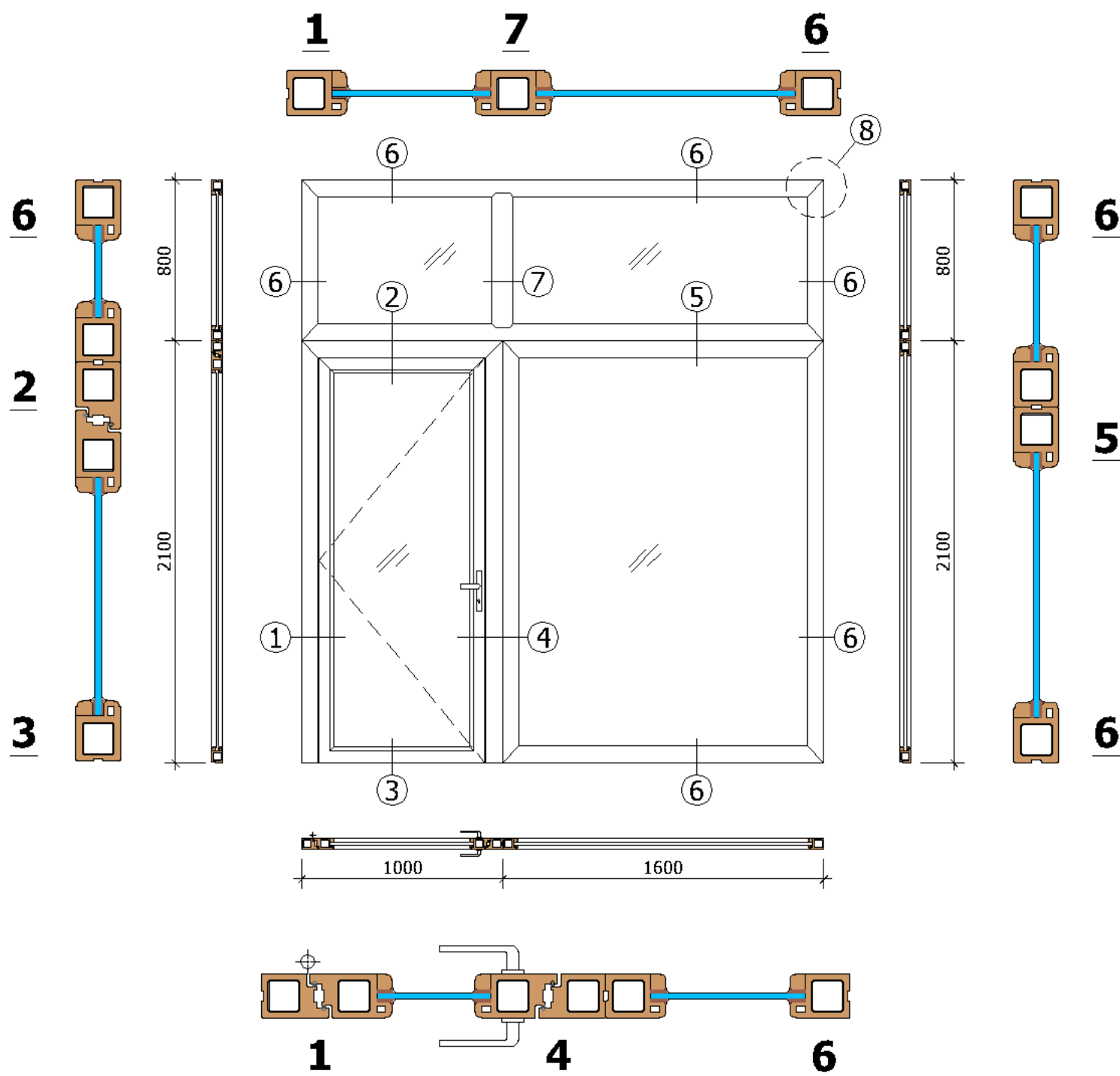
Code: TPD_H
Size: 95x55mm
Weight: 3.85kg/m ($\pm 3\%$)

◆ Sản phẩm đã được đăng ký độc quyền sáng chế về kiểu dáng công nghiệp, vật liệu & kết cấu đóng mở cho cửa nhựa gỗ lõi thép của Cục sở hữu trí tuệ.

Số: 1-2024-09588 (23.12.2024)
1-2024-09182 (06.12.2024)
3-2024-02698 (06.12.2024)

TP.001V

CỬA ĐI MỞ XOAY MỘT CÁNH & VÁCH CỐ ĐỊNH



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.001V

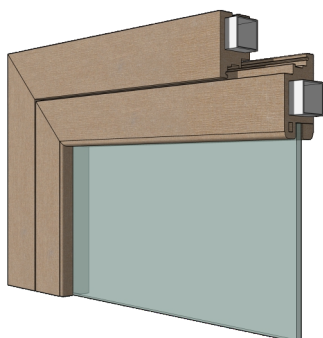
CỬA ĐI MỞ XOAY MỘT CÁNH & VÁCH CỐ ĐỊNH



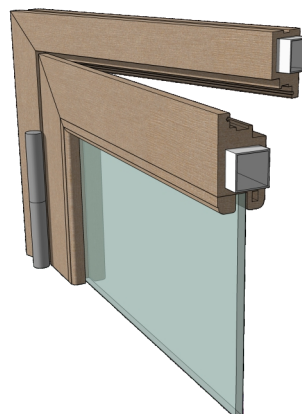
HÌNH ẢNH MINH HỌA

TP.001D

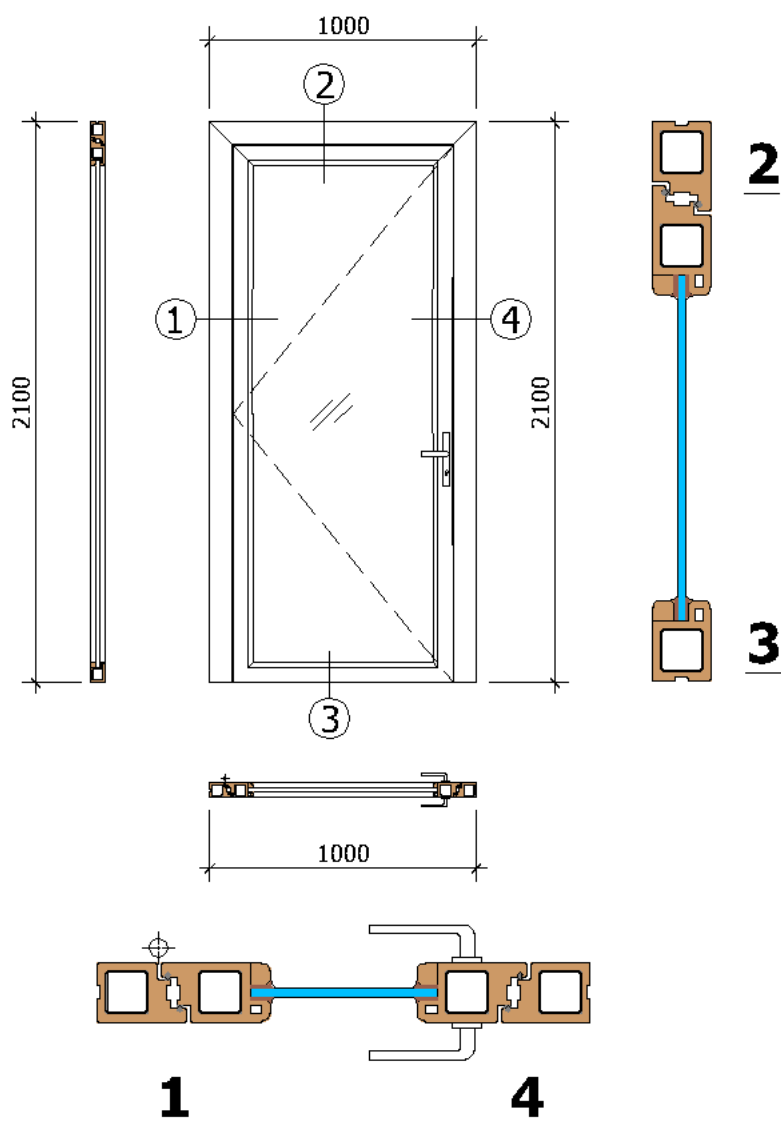
CỬA ĐI MỞ XOAY MỘT CÁNH



KHUÔN BAO & KHUNG CÁNH



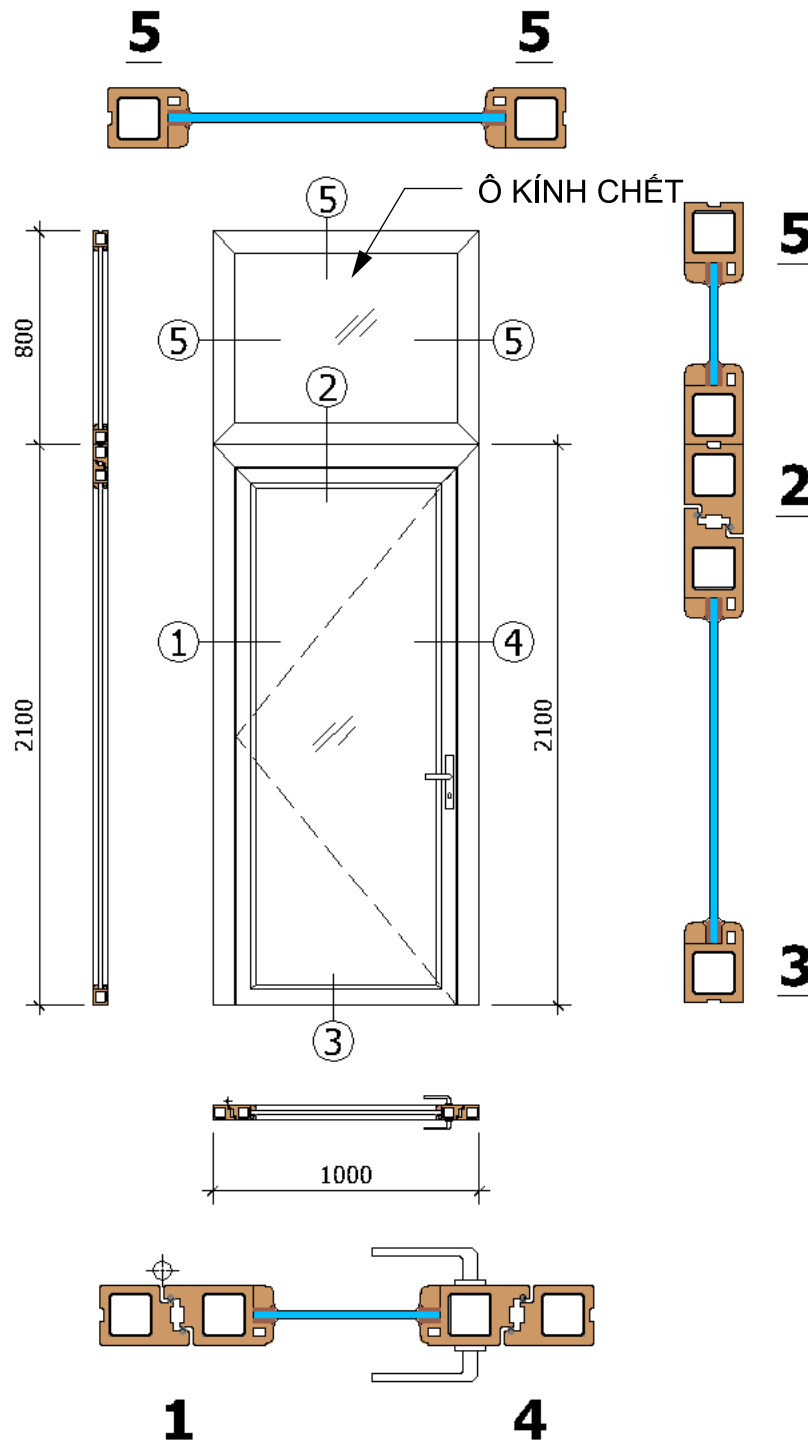
BẢN LỀ MỞ XOAY



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.001DC

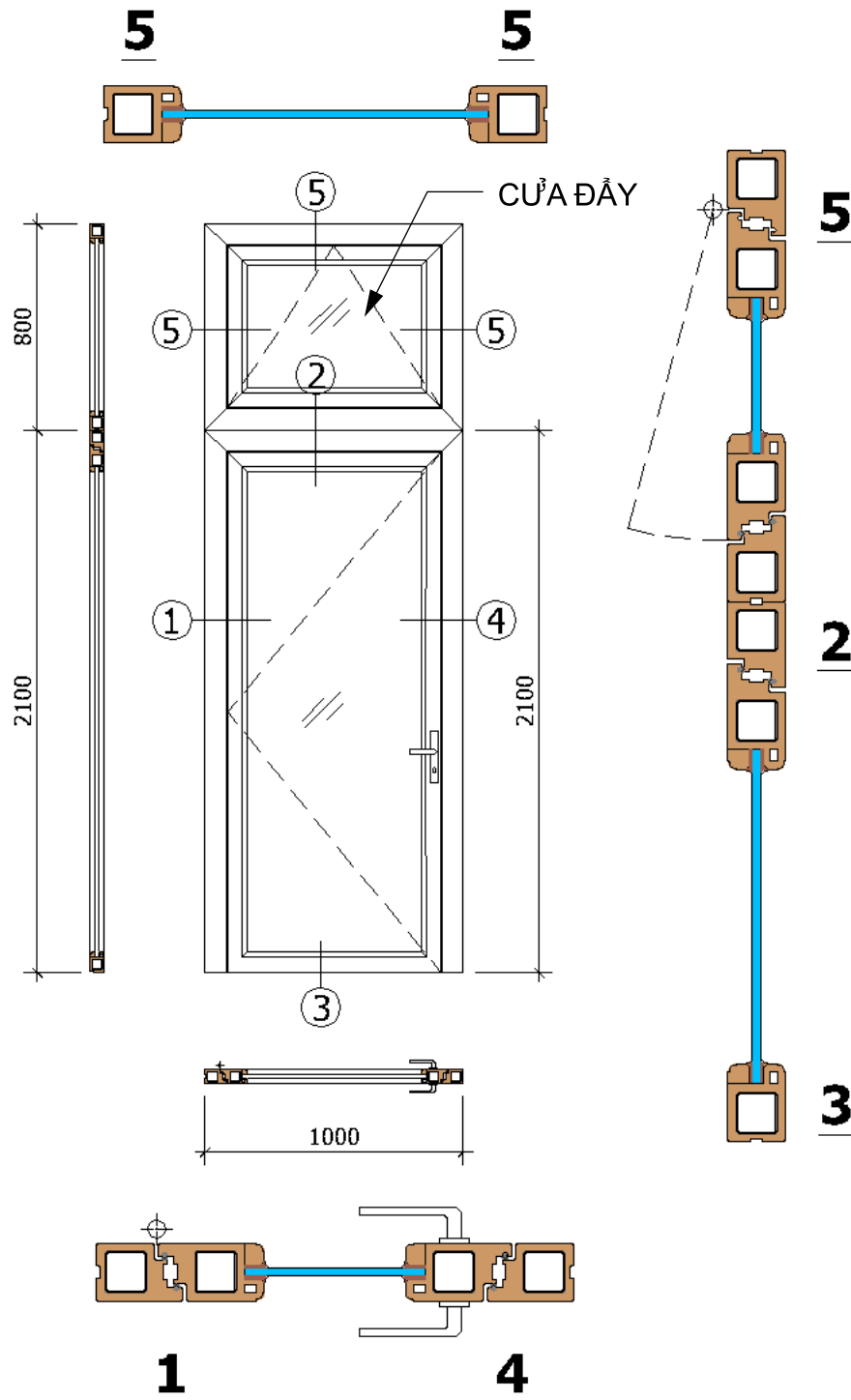
CỬA ĐI MỞ XOAY MỘT CÁNH, TRÊN KÍNH CHẾT



MẶT ĐỪNG, CÁC MẶT CẮT

TP.001DD

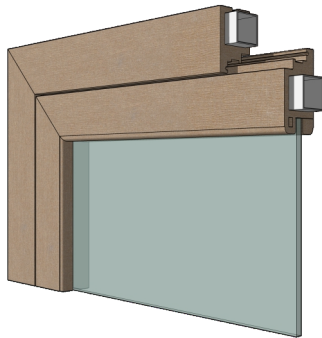
CỬA ĐI MỞ XOAY MỘT CÁNH, TRÊN CỬA SỔ ĐẦY



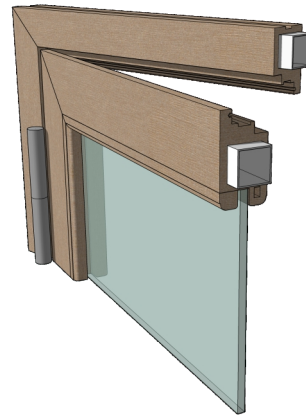
MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.002D

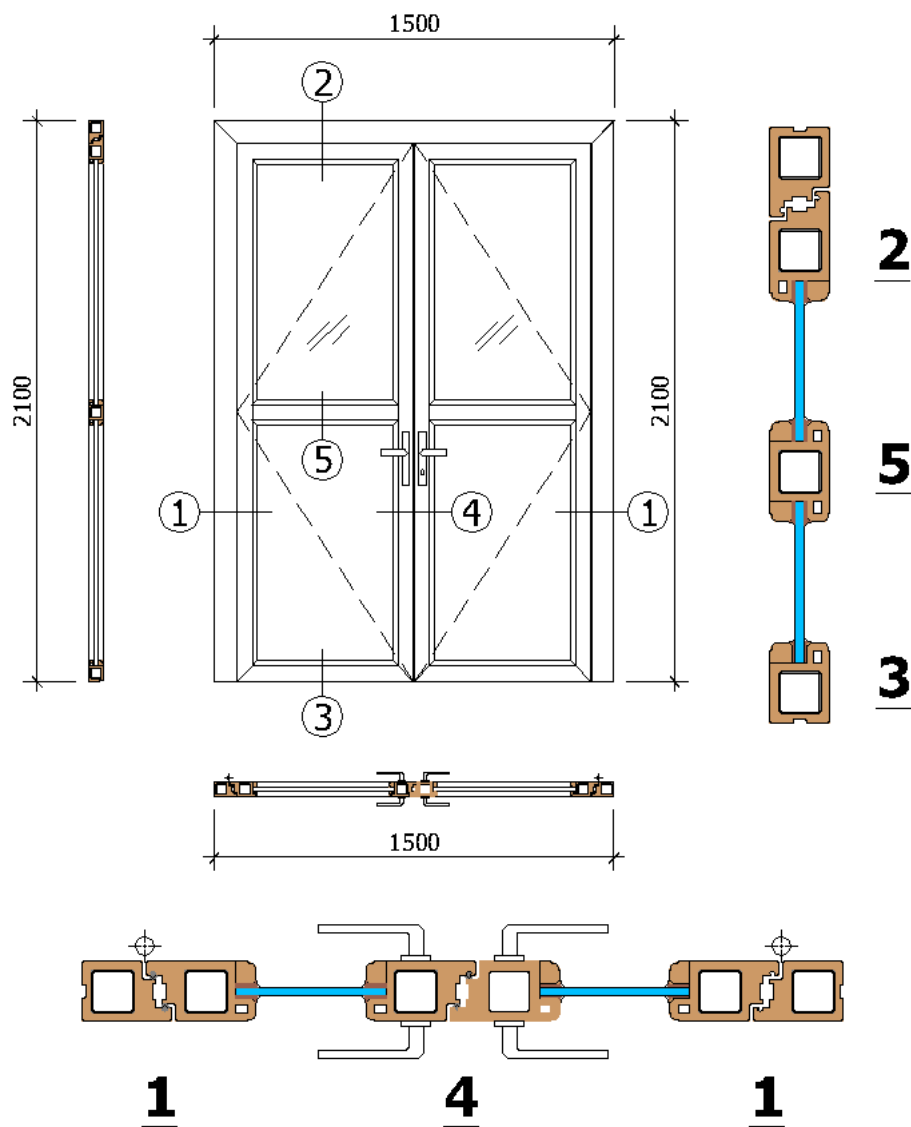
CỬA ĐI MỞ XOAY HAI CÁNH



KHUÔN BAO & KHUNG CÁNH



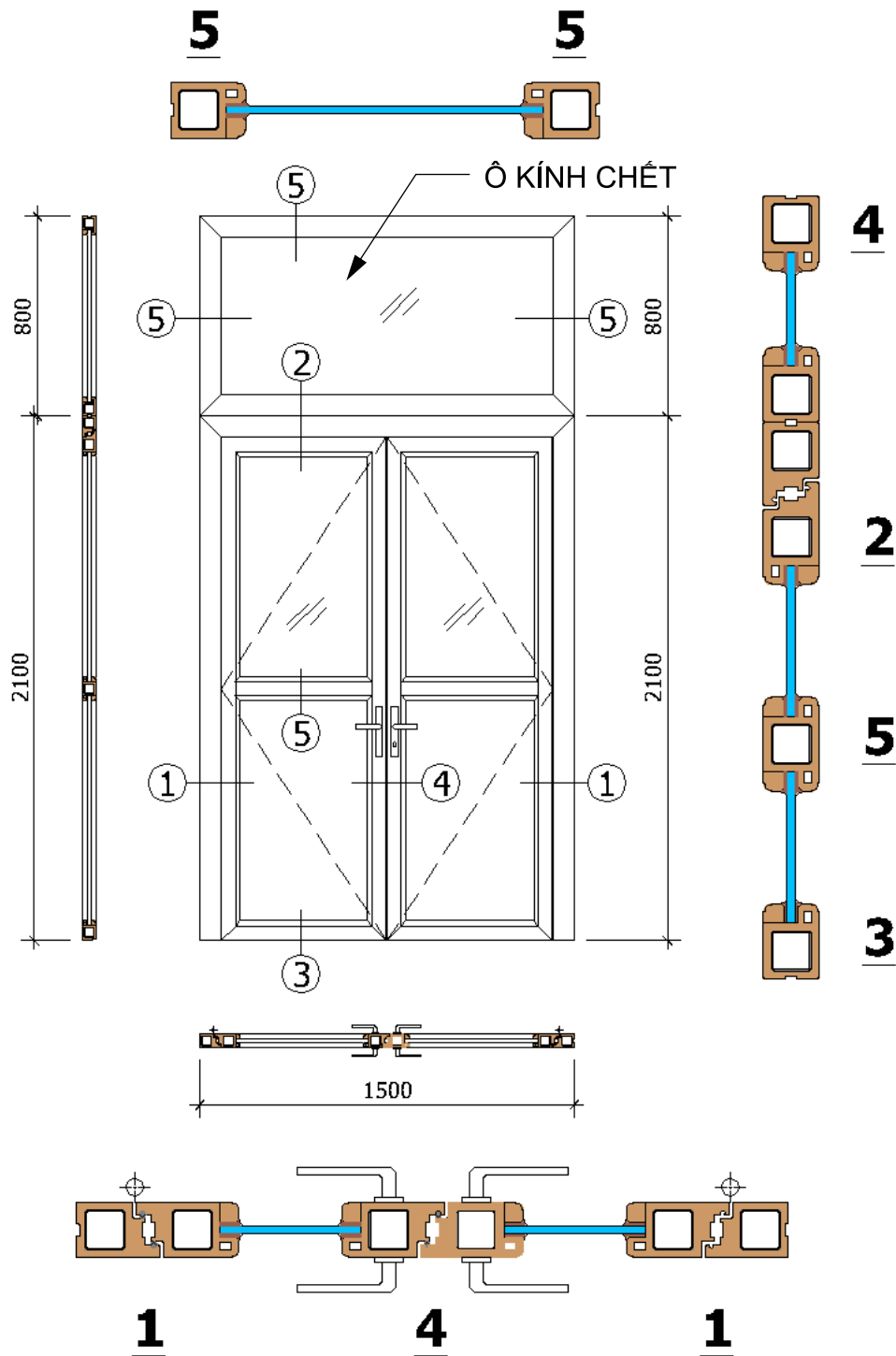
BẢN LỀ MỞ XOAY



MẶT ĐỪNG, CÁC MẶT CẮT

TP.002DC

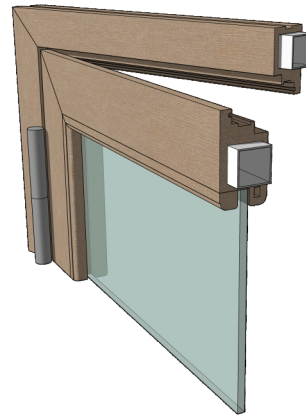
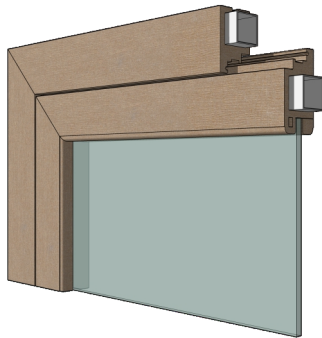
CỬA ĐI MỞ XOAY HAI CÁNH, TRÊN KÍNH CHẾT



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

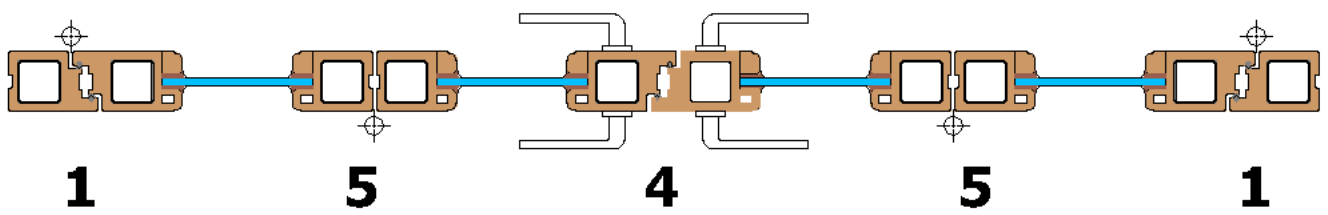
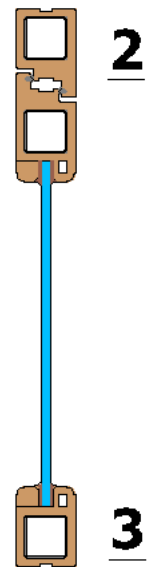
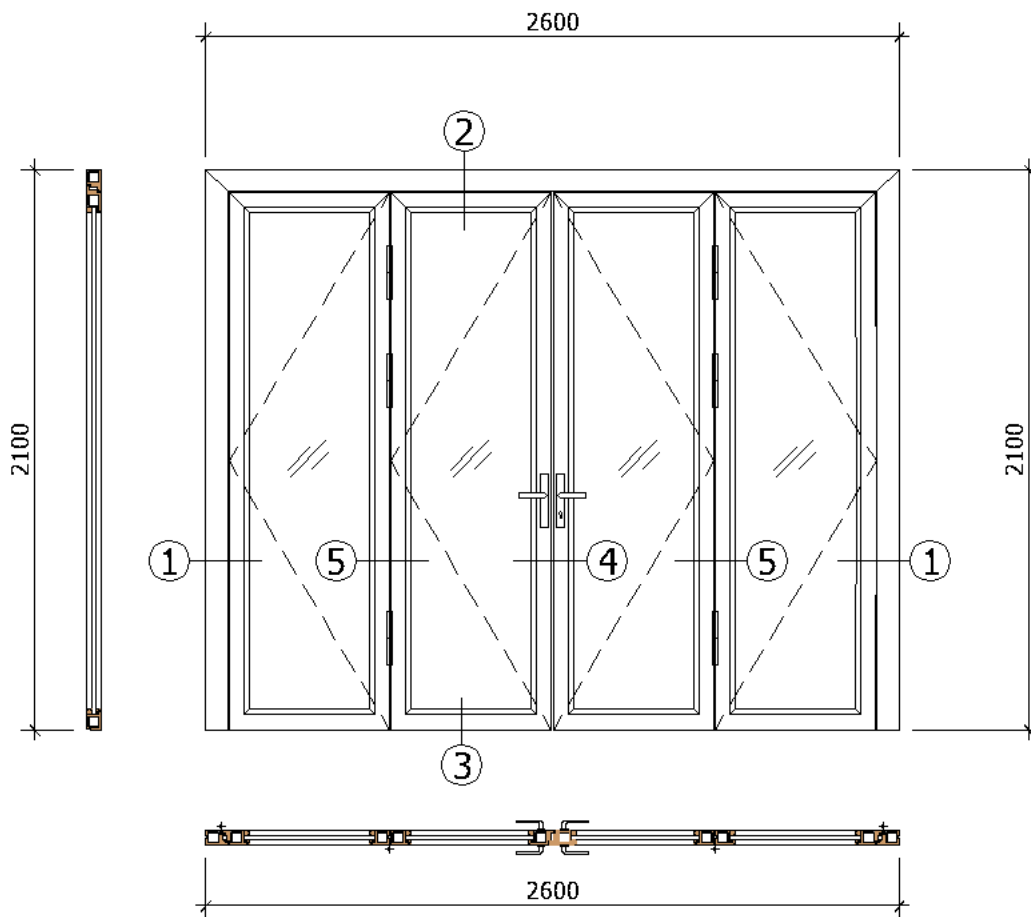
TP.004D

CỬA ĐI MỞ XOAY BỐN CÁNH



KHUÔN BAO & KHUNG CÁNH

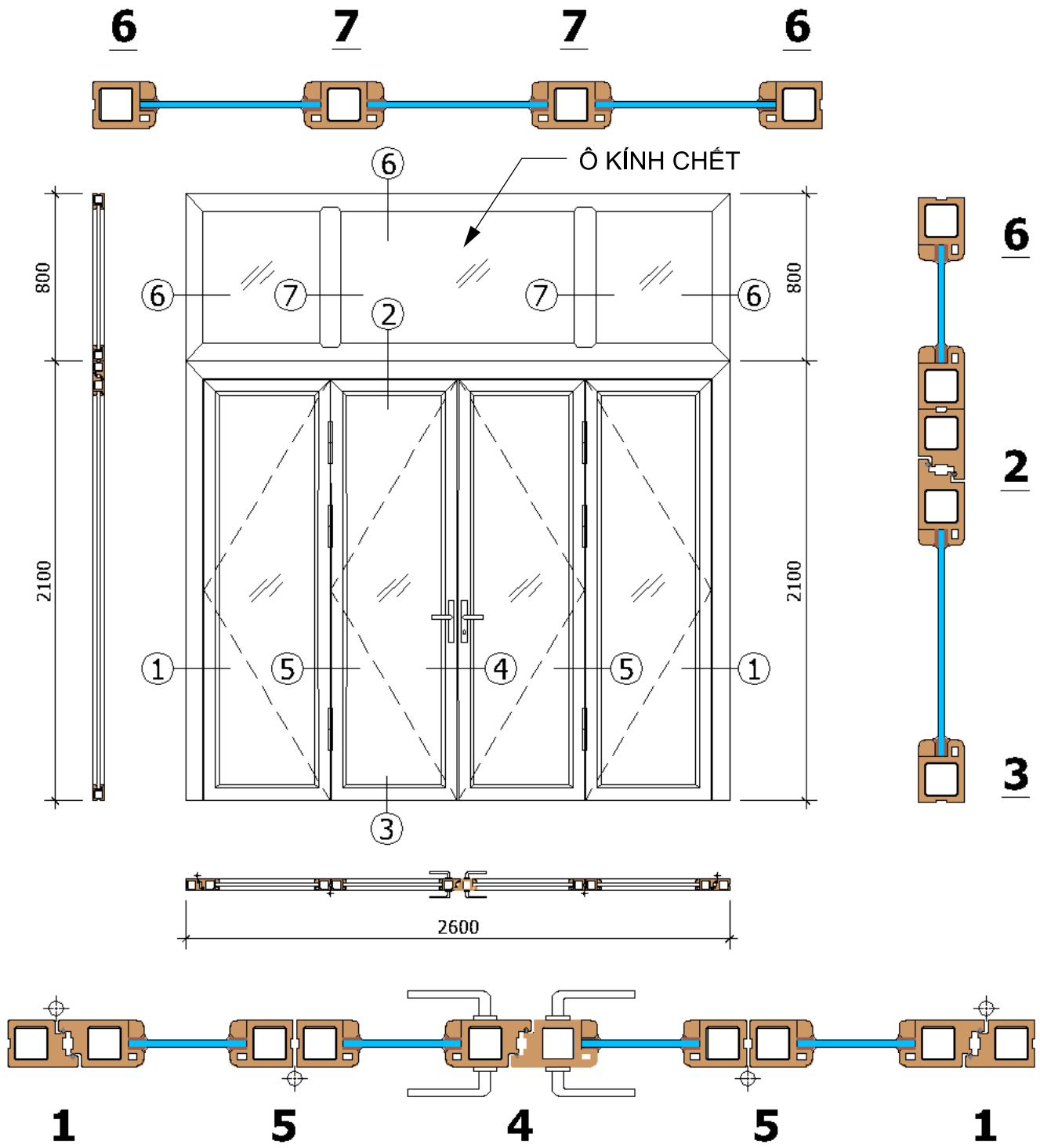
BẢN LỀ MỞ XOAY



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

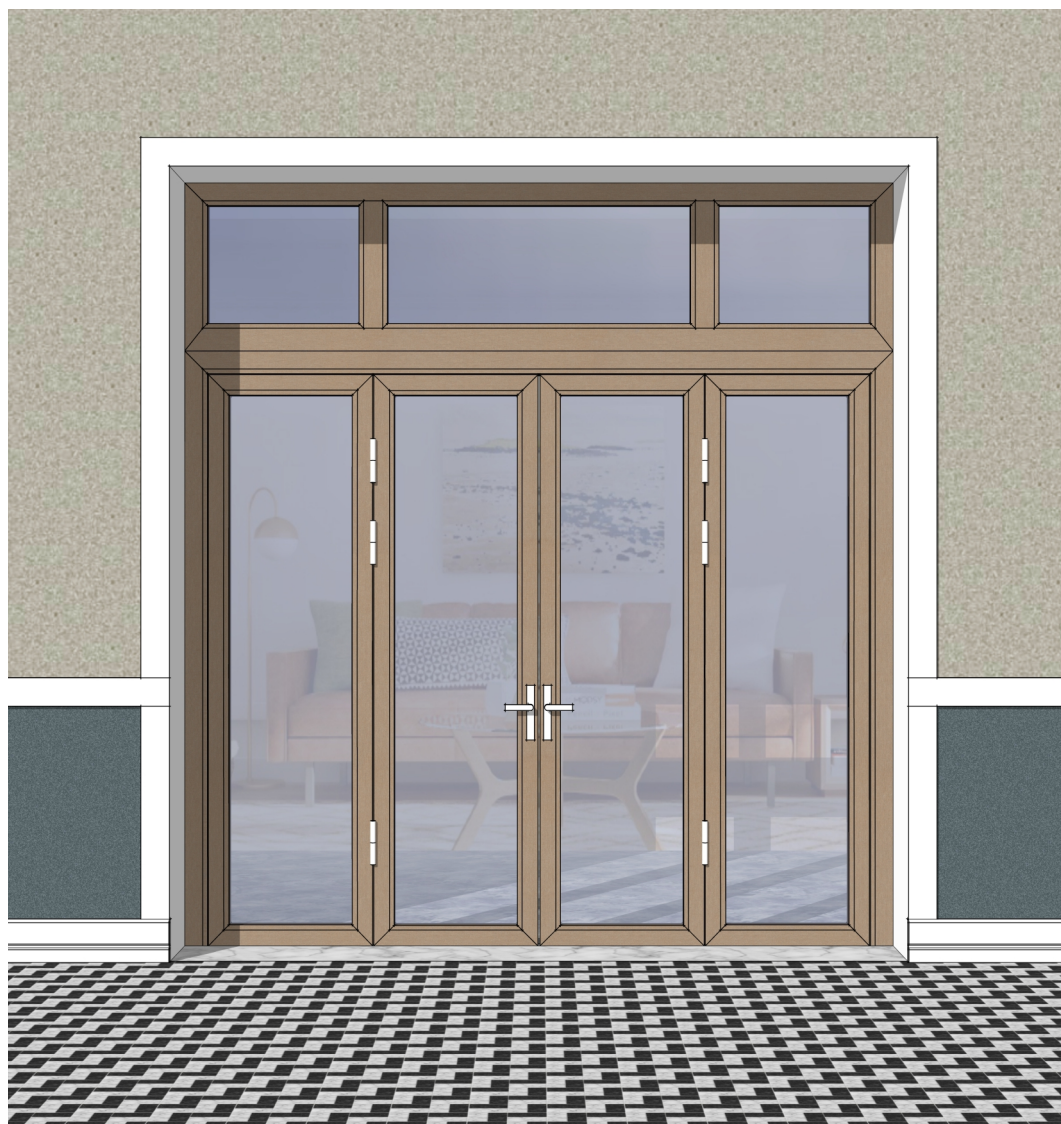
TP.004DC

CỬA ĐI MỞ XOAY BỐN CÁNH, TRÊN KÍNH CHẾT



TP.004DC

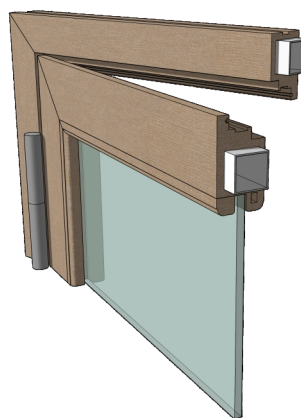
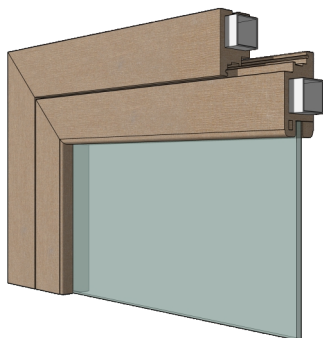
CỬA ĐI MỞ XOAY BỐN CÁNH, TRÊN KÍNH CHẾT



HÌNH ẢNH MINH HỌA

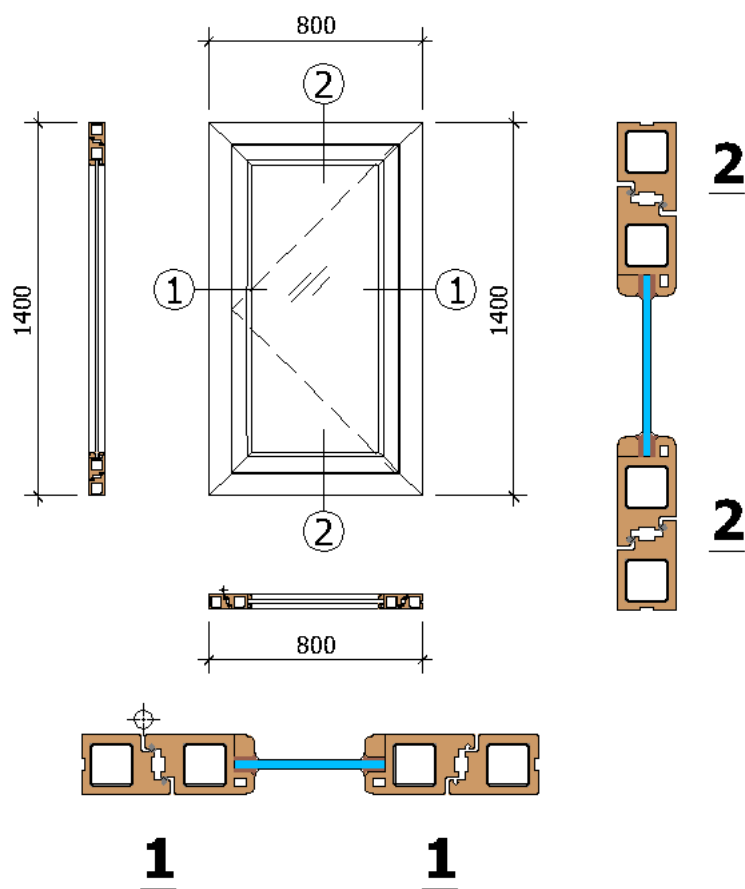
TP.001W

CỬA SỔ MỜ XOAY MỘT CÁNH



KHUÔN BAO & KHUNG CÁNH

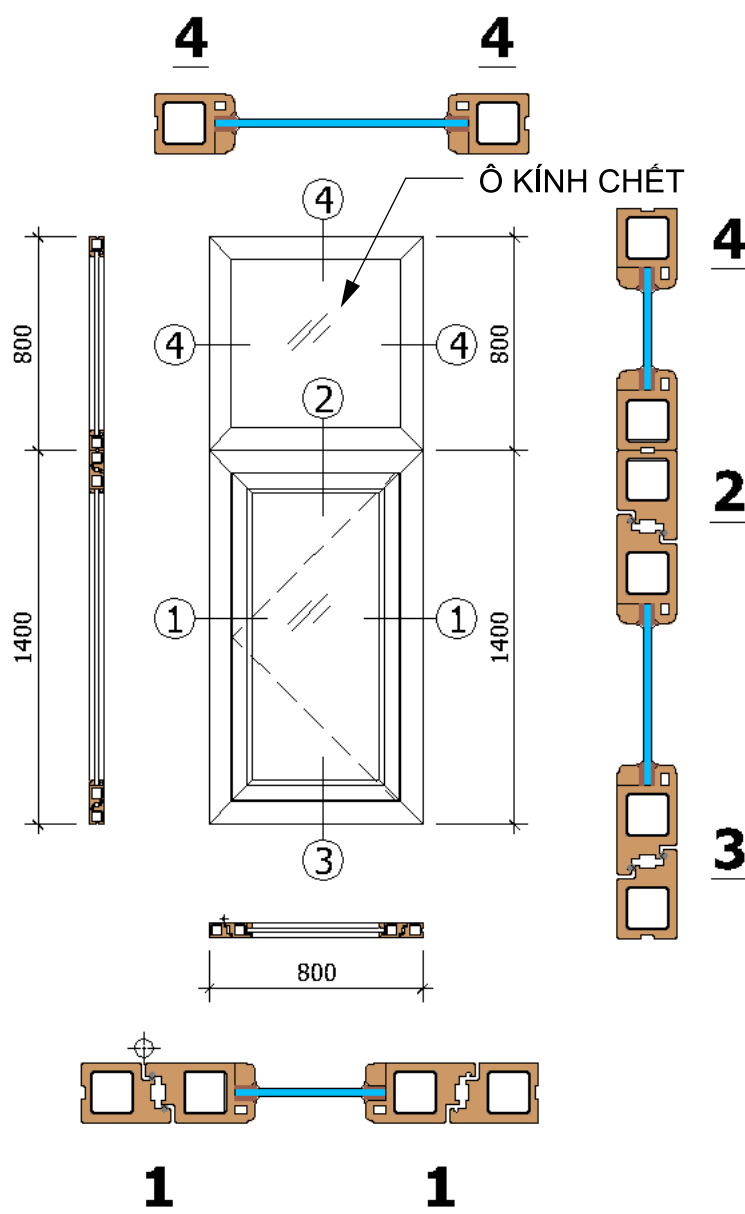
BẢN LÈ MỜ XOAY



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.001WC

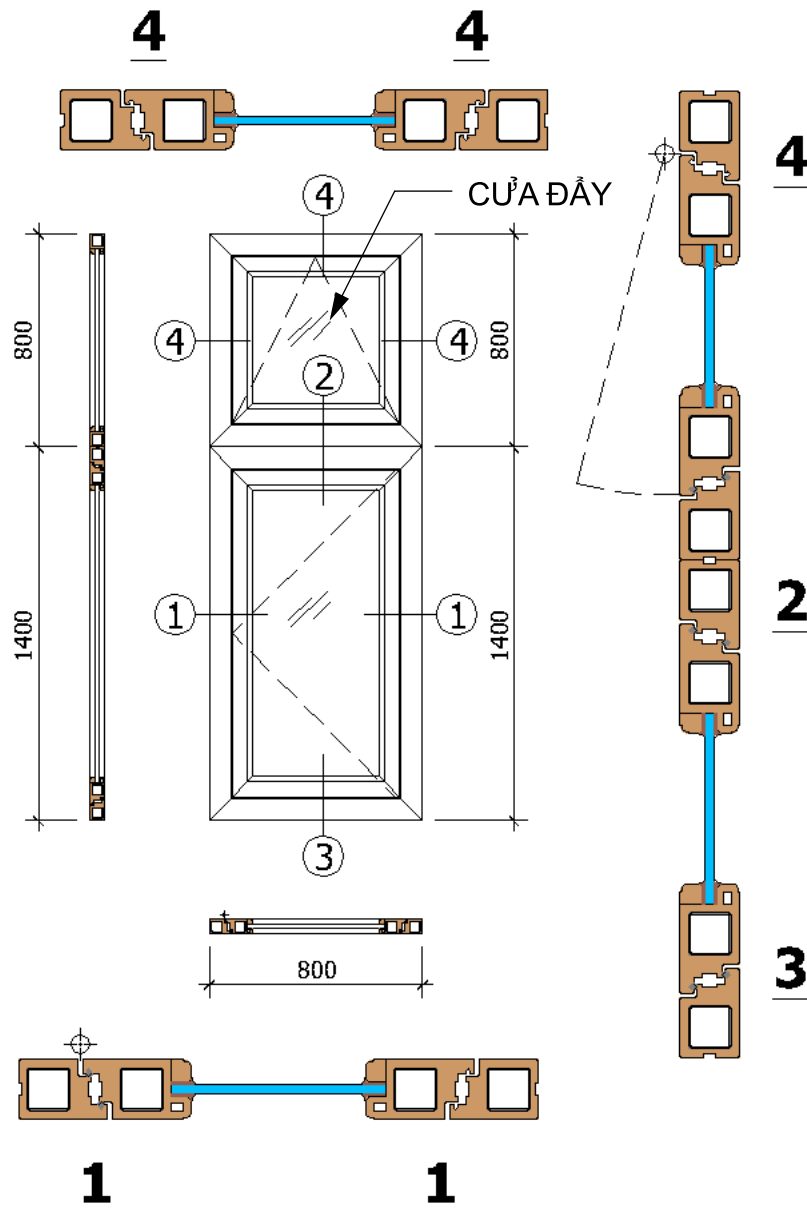
CỬA SỔ MỞ XOAY MỘT CÁNH, TRÊN KÍNH CHẾT



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.001WD

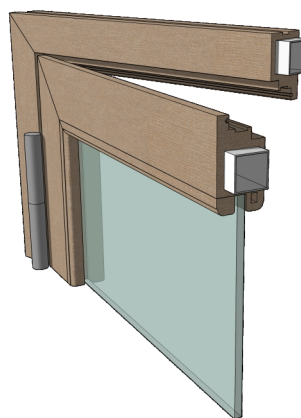
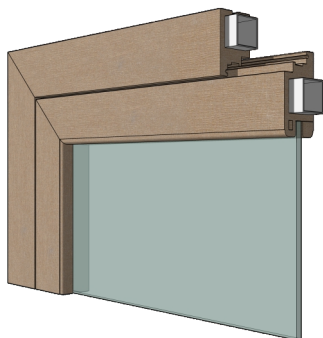
CỬA SỔ MỞ XOAY MỘT CÁNH, TRÊN CỬA SỔ ĐẦY



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

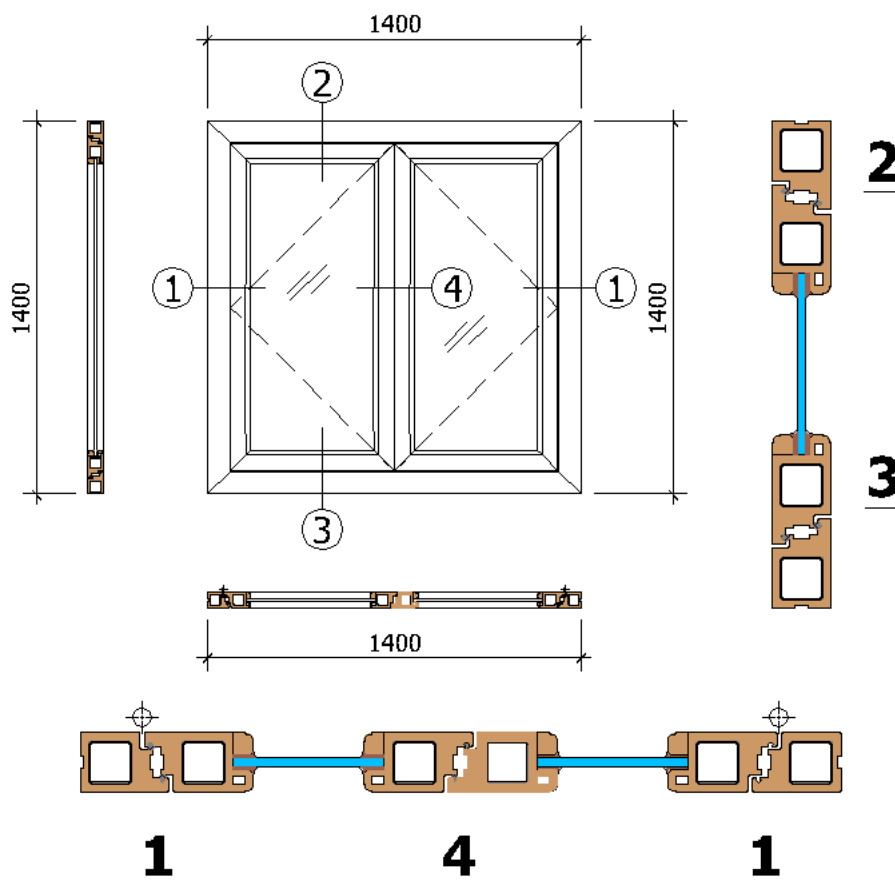
TP.002W

CỬA SỔ MỜ XOAY HAI CÁNH



KHUÔN BAO & KHUNG CÁNH

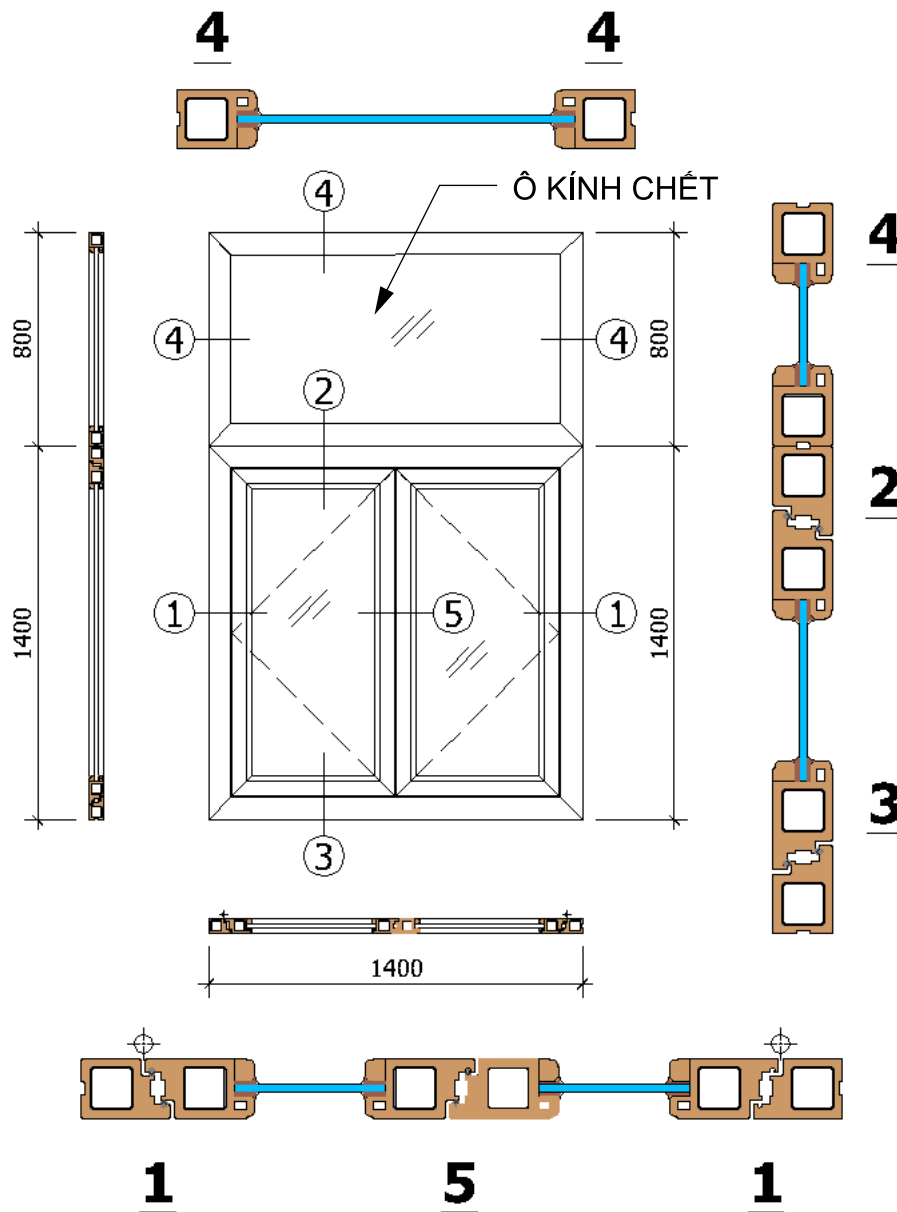
BẢN LÈ MỜ XOAY



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.002WC

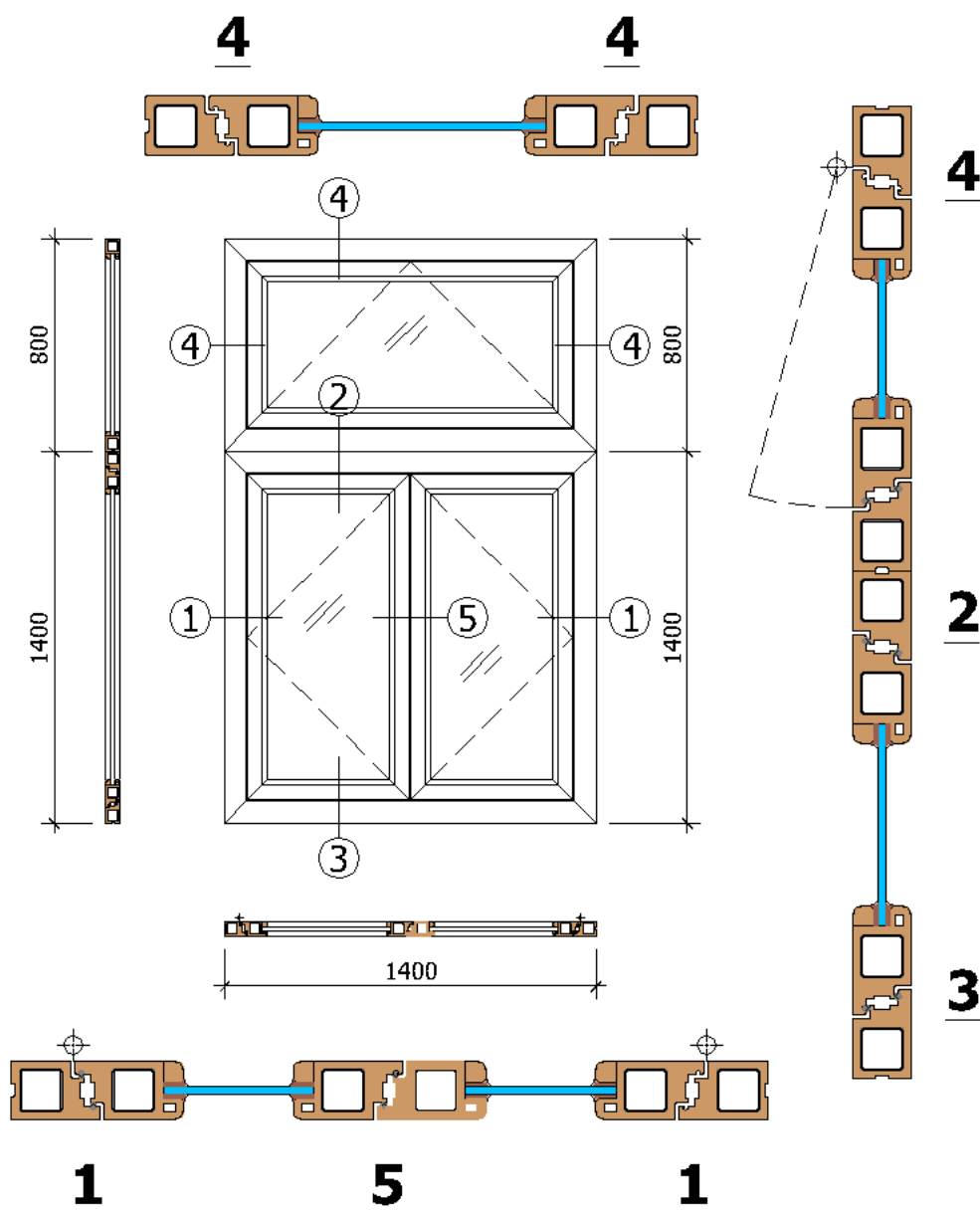
CỬA SỔ MỜ XOAY HAI CÁNH, TRÊN KÍNH CHẾT



MẶT ĐÚNG, CÁC MẶT CẮT

TP.002WD

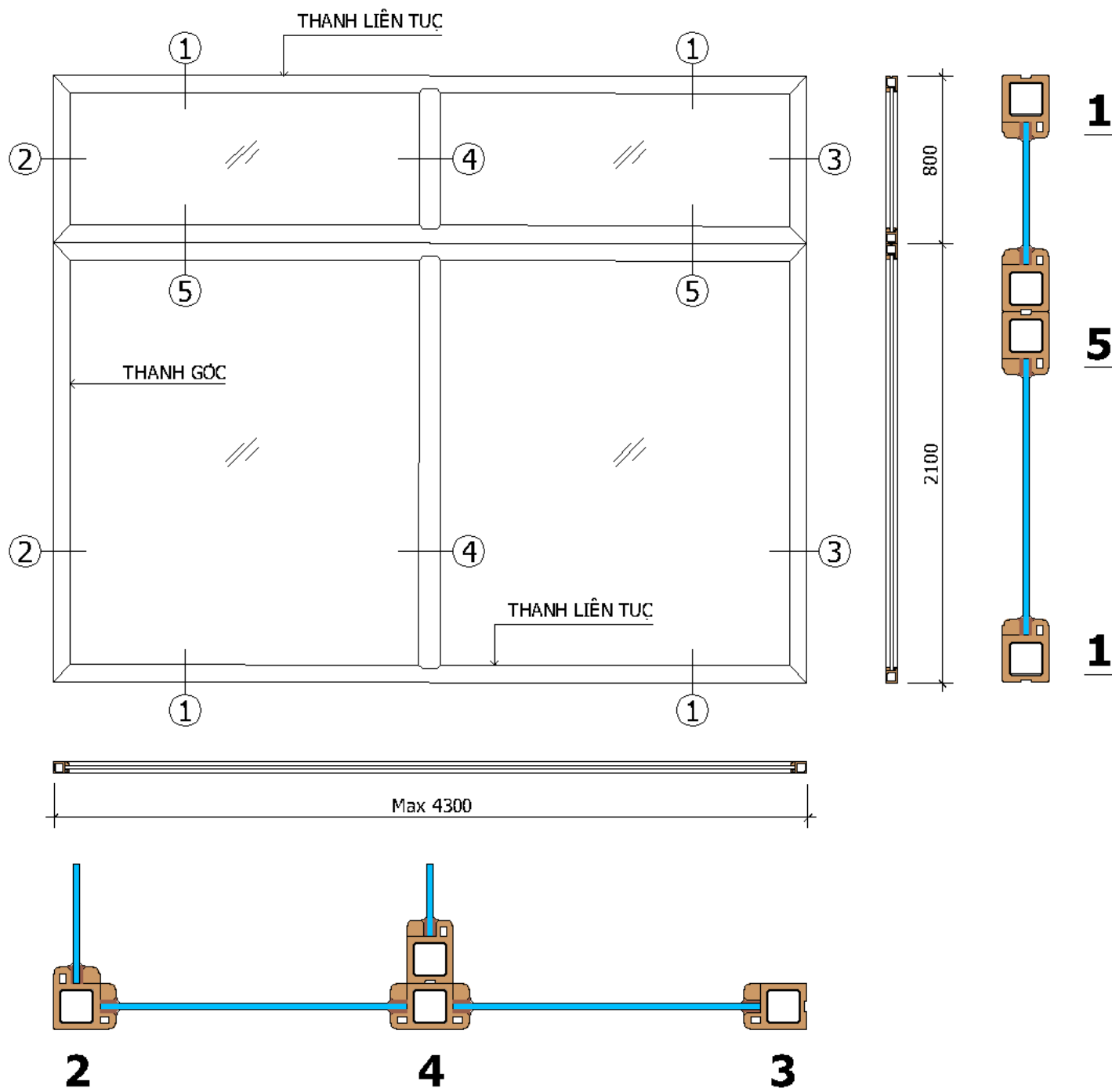
CỬA SỔ MỞ XOAY HAI CÁNH, TRÊN CỬA SỔ ĐẦY



MẶT ĐÚNG, CÁC MẶT CẮT

TP.001V1

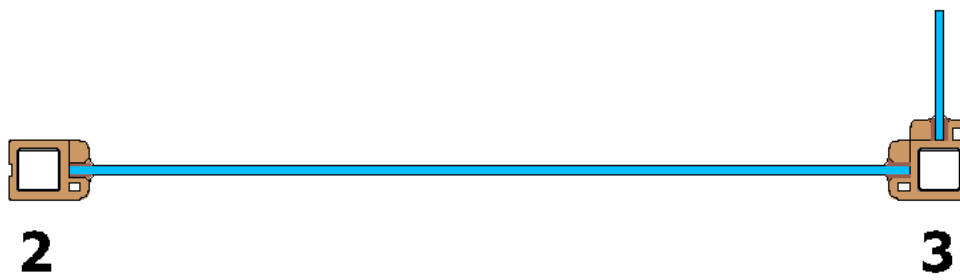
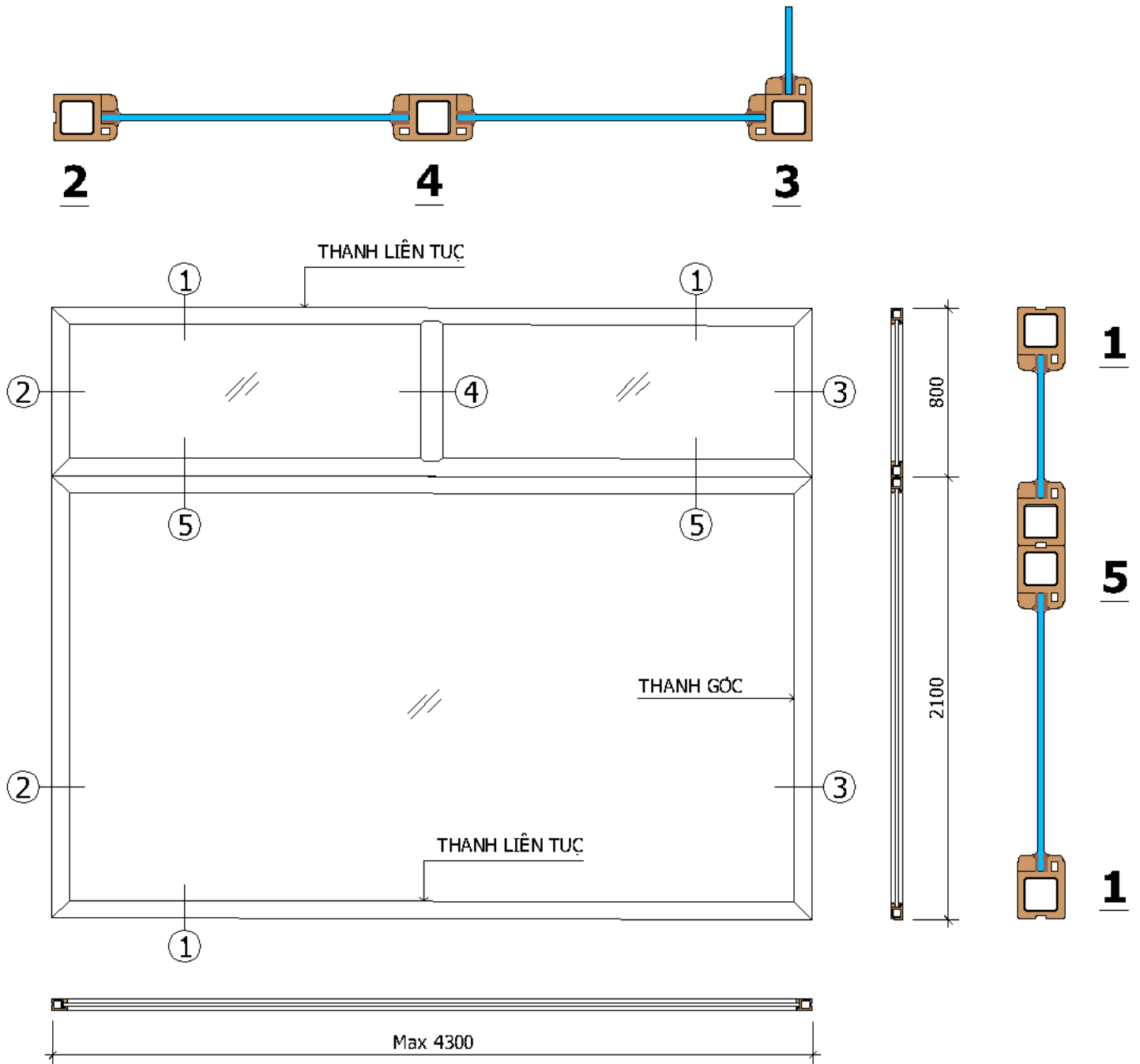
VÁCH NGĂN MỘT NHỊP



MẶT ĐỨNG, CÁC MẶT CẮT

TP.002V1

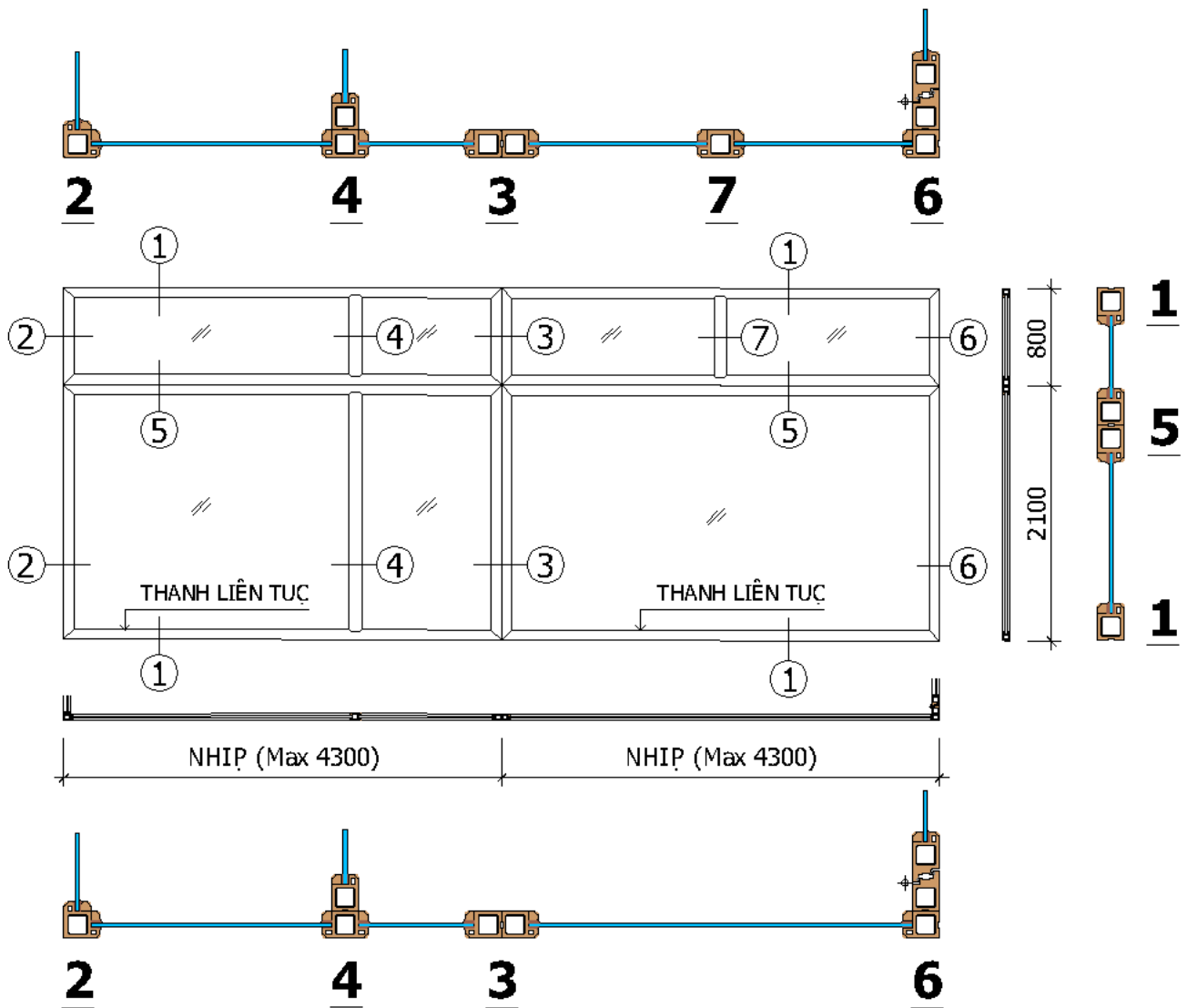
VÁCH NGĂN MỘT NHỊP



MẶT ĐÚNG, CÁC MẶT CẮT

TP.003VN

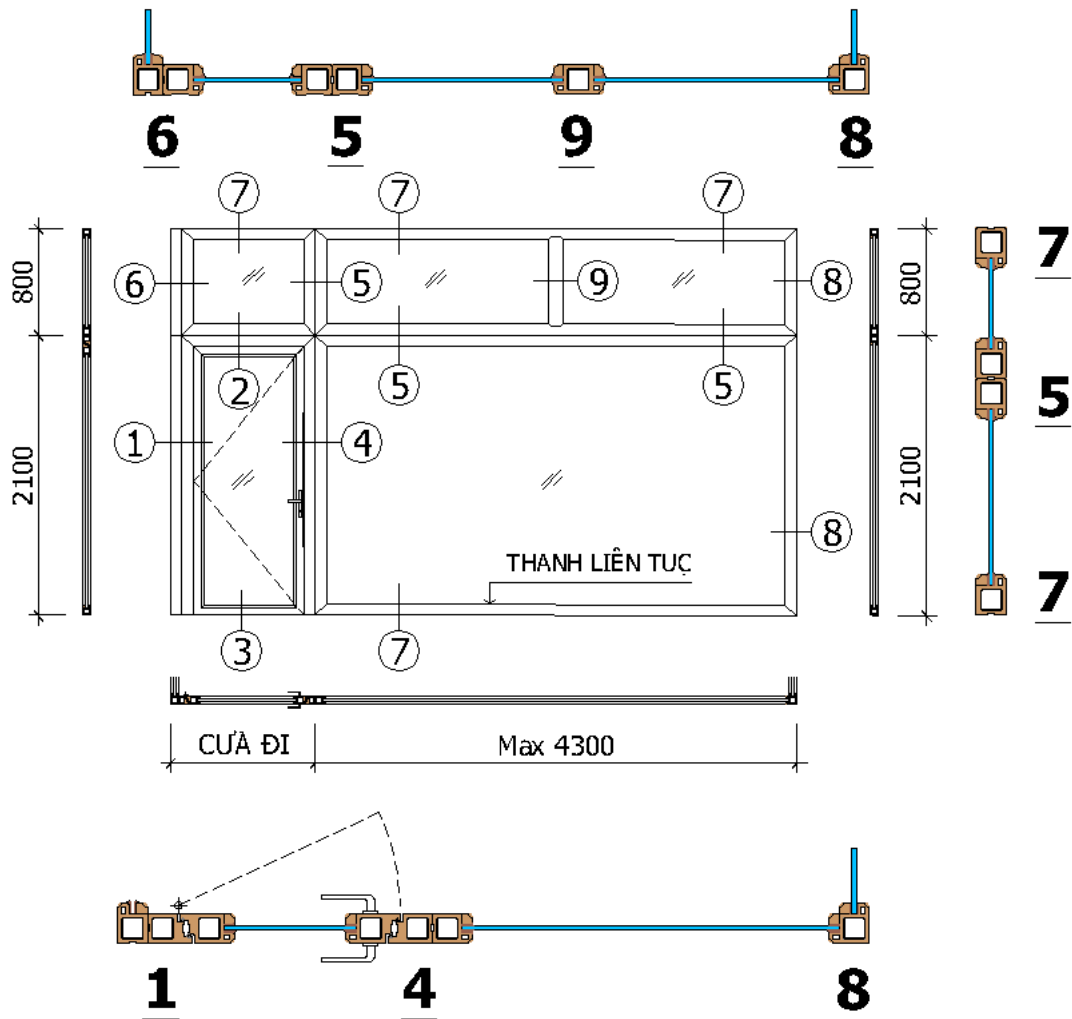
VÁCH NGẮN NHIỀU NHỊP



MẶT ĐÚNG, CÁC MẶT CẮT

TP.004VN

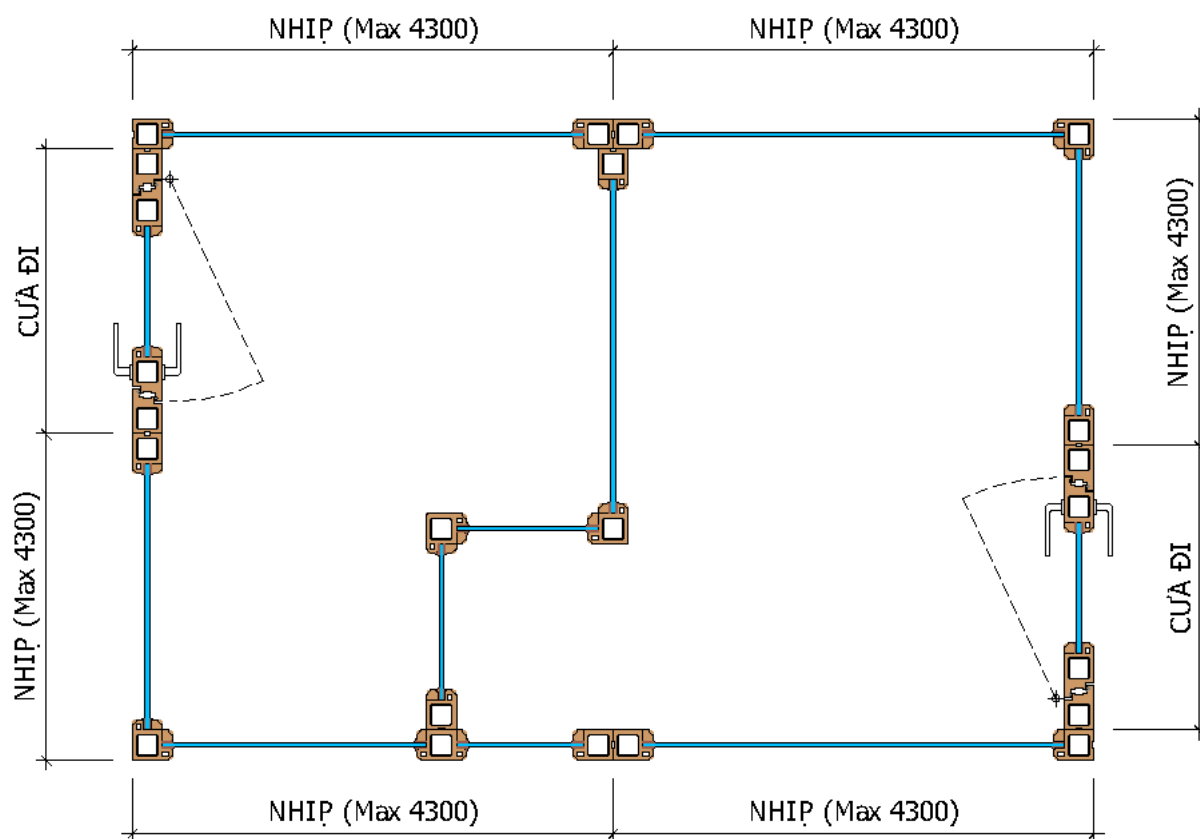
VÁCH NGĂN NHIỀU NHẬP



MẶT ĐÚNG, CÁC MẶT CẮT

TP.004VN

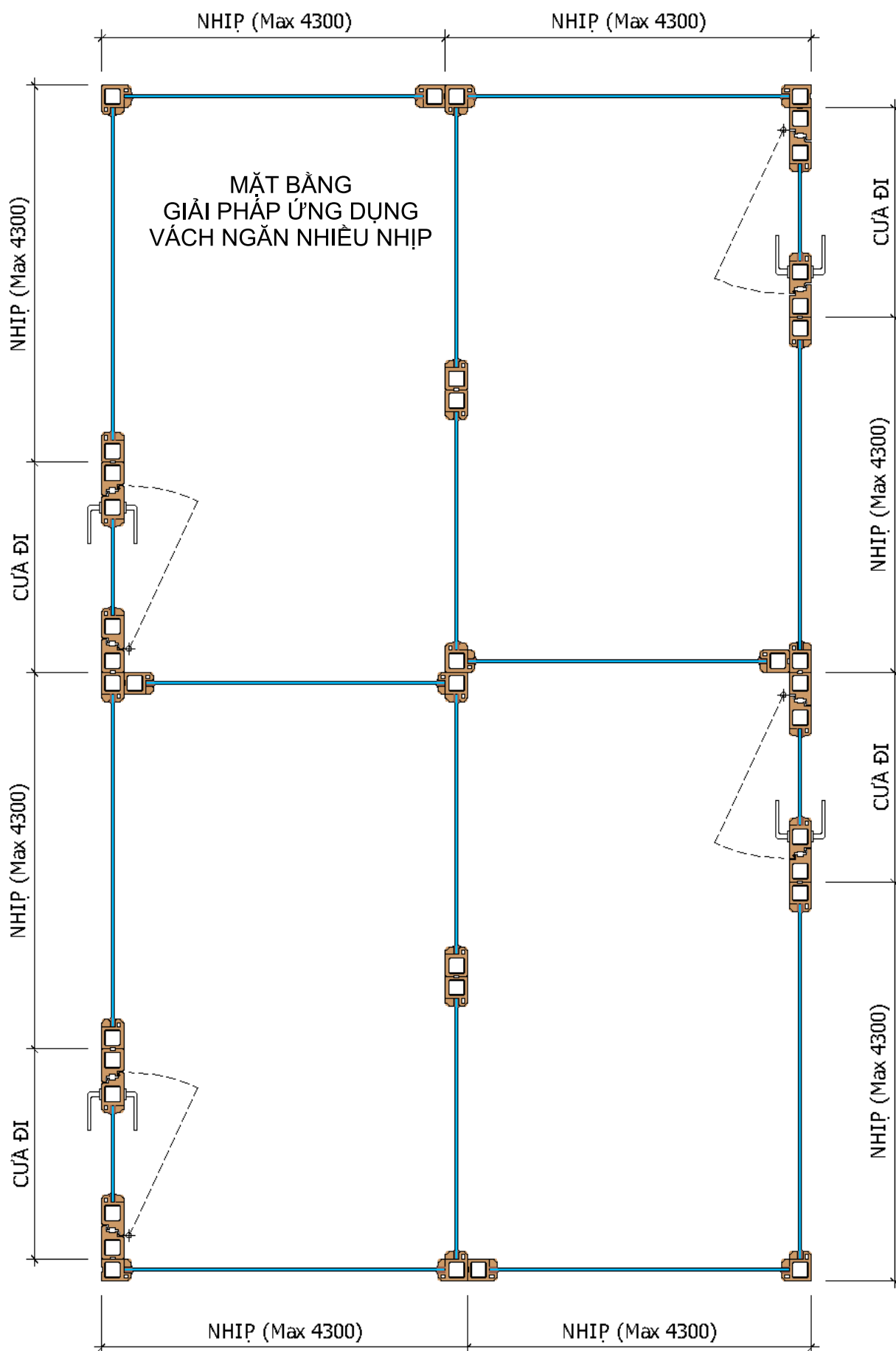
VÁCH NGẮN NHIỀU NHỊP



**MẶT BẰNG GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG
VÁCH NGẮN NHIỀU NHỊP**

TP.004VN

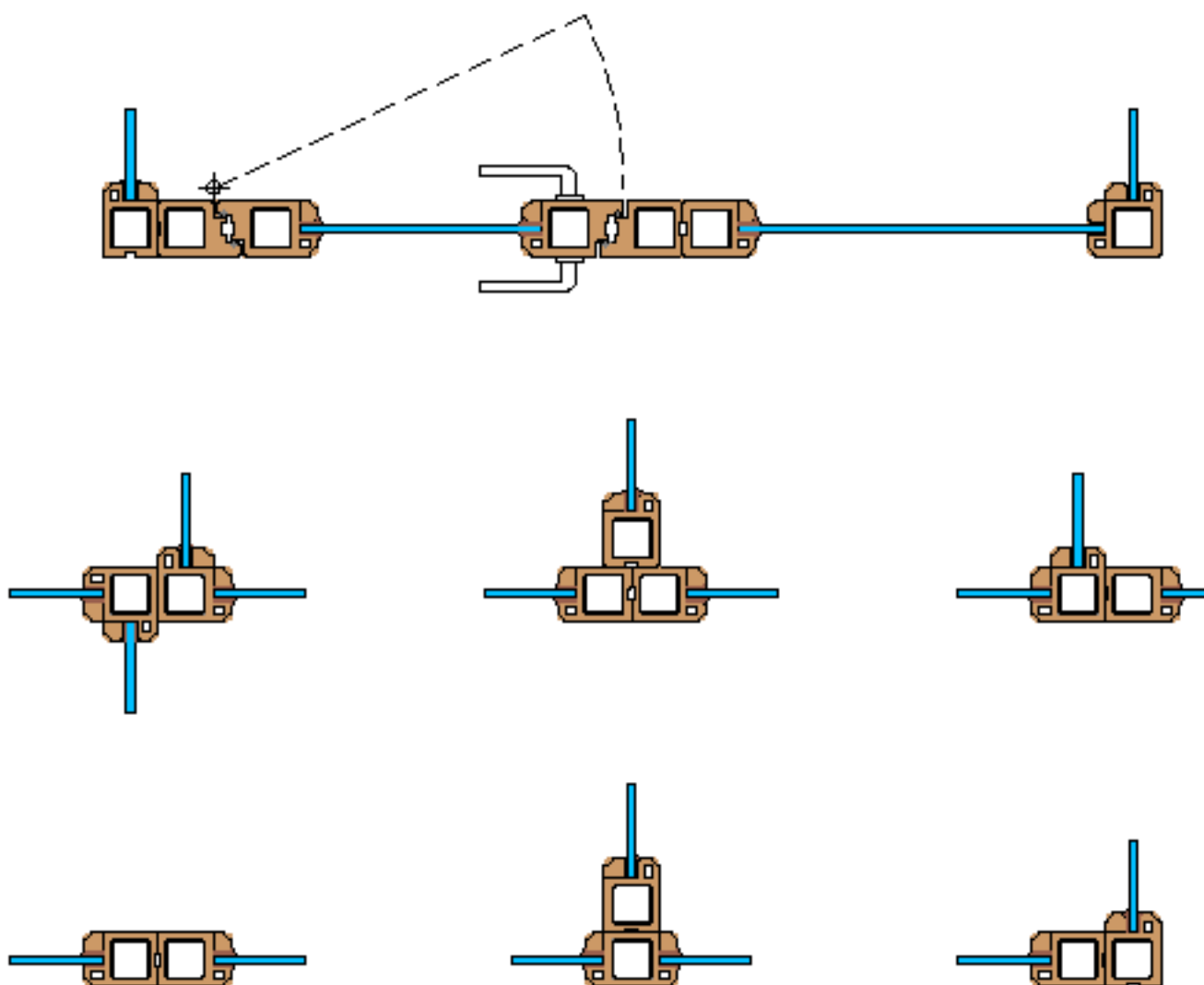
VÁCH NGẮN NHIỀU NHỊP



TP.004VN

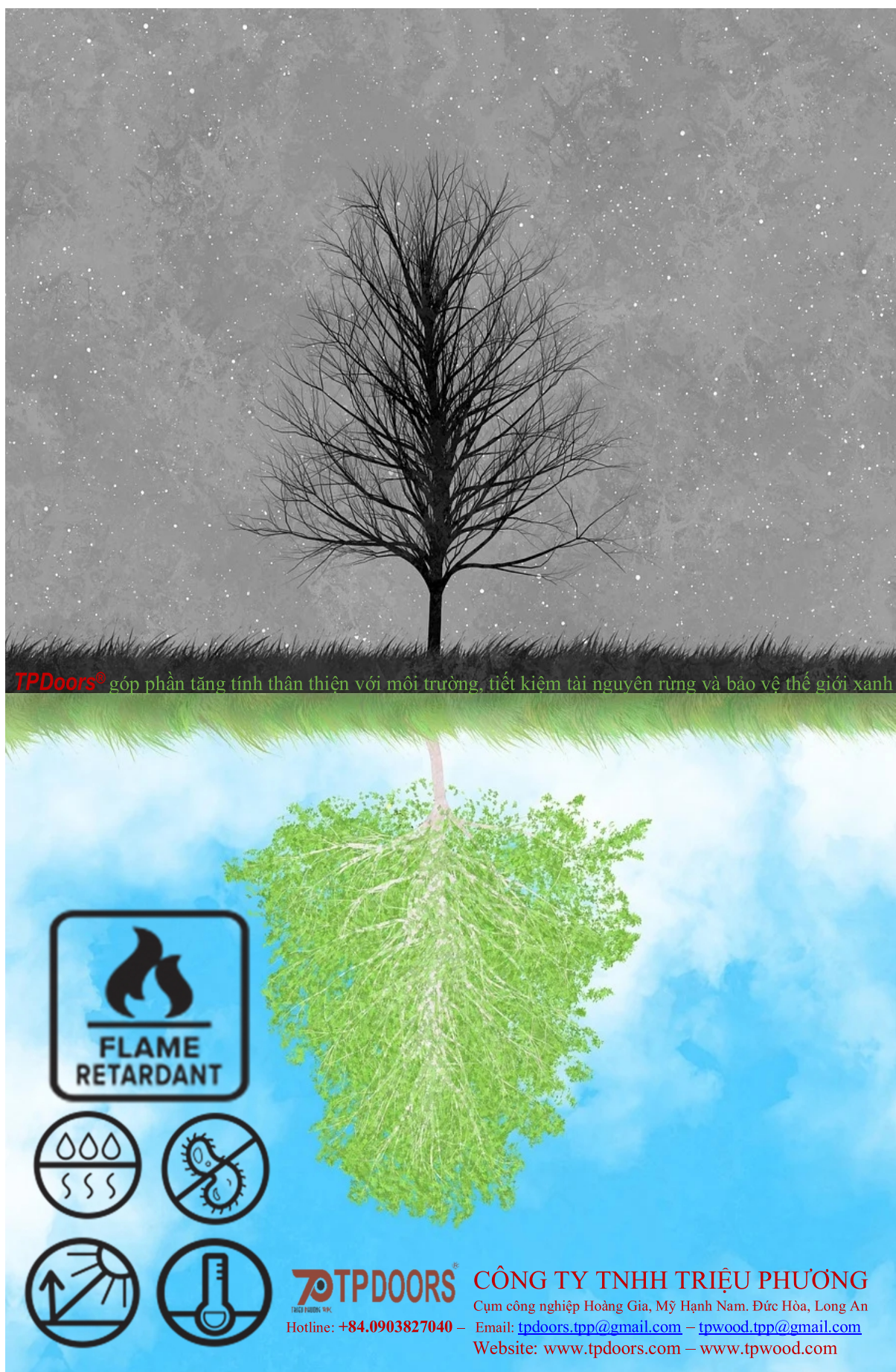
VÁCH NGẮN NHIỀU NHỊP

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG
VÁCH NGẮN NHIỀU NHỊP



Mục lục (Table of contents)

Về chúng tôi (Company profile)	01
<i>Giới thiệu về Cửa nhựa gỗ lõi thép đúc sẵn -thương hiệu TPDoors®</i>	
Đặc tính của sản phẩm (Characteristics)	02
<i>Cấu tạo của sản phẩm TPDoors®</i>	
<i>Lý do để lựa chọn sản phẩm TPDoors®</i>	
Bảng công bố thông số kỹ thuật và chỉ tiêu chất lượng (Standard & Specifications)	03 - 04
<i>Tính chất vật lý cơ bản</i>	
<i>Tính an toàn vật liệu</i>	
TP.002P – Chi tiết Khung cánh – Khuôn bao	05
TP.001 – Hệ mở xoay một cánh & Vách cố định	06
<i>Chi tiết Ke góc</i>	
TP.001P – Chi tiết kích thước các profiles	07
<i>Sản phẩm đã đăng ký độc quyền kiểu dáng công nghiệp và bằng độc quyền sáng chế</i>	
TP.001V – Cửa đi mở xoay một cánh & vách cố định	08 - 09
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng & mặt cắt - ảnh minh họa</i>	
TP.001D – Cửa đi mở xoay một cánh	10
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.001DC – Cửa đi mở xoay một cánh, trên khung kính chết	11
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.001DD – Cửa đi mở xoay một cánh, trên cửa sổ đẩy	12
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.002D – Cửa đi mở xoay hai cánh	13
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.002DC – Cửa đi mở xoay hai cánh, trên khung kính chết	14
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.004D – Cửa đi mở xoay bốn cánh	15
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.004DC – Cửa đi mở xoay bốn cánh, trên khung kính chết	16 - 17
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng & mặt cắt - ảnh minh họa</i>	
TP.001W – Cửa sổ mở xoay một cánh	18
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.001WC – Cửa sổ mở xoay một cánh, trên khung kính chết	19
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.001WD – Cửa sổ mở xoay một cánh, trên cửa sổ đẩy	20
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.002W – Cửa sổ mở xoay hai cánh	21
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.002WC – Cửa sổ mở xoay hai cánh, trên khung kính chết	22
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.002WD – Cửa sổ mở xoay hai cánh, trên cửa sổ đẩy	23
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.001V1 – Vách ngăn một nhịp	24 - 25
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
TP.001VN – Vách ngăn nhiều nhịp	26 - 30
<i>Sơ đồ lắp ráp – mặt đứng, các mặt cắt</i>	
<i>Một số giải pháp ứng dụng vách ngăn nhiều nhịp</i>	



TPDoors® góp phần tăng tính thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên rừng và bảo vệ thế giới xanh



**FLAME
RETARDANT**









TPDOORS®

Hotline: +84.0903827040 –

CÔNG TY TNHH TRIỆU PHƯƠNG

Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

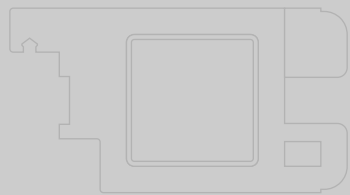
Email: tpdoors.tpp@gmail.com – tpwood.tpp@gmail.com

Website: www.tpdoors.com – www.tpwood.com

Hãy sử dụng

CỬA NHỰA GỖ LỖ THÉP ĐÚC SẴN

TP doors®



Để bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta!



Art and Safe!

EUROPEAN TECHNOLOGY

Hot line: 0903827040

CÔNG TY TNHH TRIỆU PHƯƠNG

Showroom: 917C Âu Cơ, phường Tân Sơn Nhì
Quận Tân Phú, Tp.HCM, Việt Nam

Website: tpdoors.com - Email: tpdoors.tpp@gmail.com

